**BÀI 2: NHỮNG CUNG BẬC TÂM TRẠNG**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9.0 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 2: Những cung bậc tâm trạng** | **12 tiết** |
| ĐỌC | 9 |
| *-* Đọc VB1: *Nỗi niềm chinh phụ (*trích *Chinh phụ ngâm,* Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)  - Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ chơi chữ  - Đọc VB2: *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê)  - Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần  - Đọc VB3: *Một thể thơ độc đáo của người Việt* (Dương Lâm An) | 3  1  2  1  2 |
| VIẾT: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát) | 3 |
| NÓI VÀ NGHE: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học) | 1 |
| CỦNG CỐ MỞ RỘNG  THỰC HÀNH ĐỌC: *Nỗi sầu oán của người cung nữ* (trích *Cung oán ngâm khúc,* Nguyễn Gia Thiều) |  |

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

|  |
| --- |
| *I. Năng lực*  Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo  Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.  - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.  - Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.  - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.  - Viết được VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.  *II. Phẩm chất*  Yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống |

B.THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video…

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VÀ TÌM HIỂU VỀ BÀI HỌC

Hoàng Kim ngân 0705965222 thcs đa phúc- hải phòng hieungan2010@gmail.com

**1. Thao tác 1: Giới thiệu bài học**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Tham gia trò chơi “Hiểu ý đồng đội”**

**\*** GV mời 02 cặp đôi lên tham gia trò chơi:

- Mỗi cặp sẽ được phát 01 gói từ gồm 03 từ miêu tả những cung bậc tâm trạng của con người.

- 01 HS sẽ diễn tả từ khóa bằng nét mặt, cử chỉ để đồng đội của mình đoán đúng từ khóa trong gói từ.

Thời gian tối đa cho mỗi cặp là: 02 phút.

- Cặp đôi nào trả lời đúng nhiều đáp án hơn sẽ giành phần thắng.

-Nếu hai đội cùng trả lời bằng nhau số đáp án đúng thì đội nào trả lời hết gói từ khóa trong thời gian ngắn hơn sẽ giành phần thắng.

\* Gói từ của GV:

|  |  |
| --- | --- |
| Gói từ thứ nhất | Gói từ thứ hai |
| - Hạnh phúc  - Băn khoăn  - Thất vọng | - Buồn bã  - Nghi ngờ  - Ngại ngùng |

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi theo cặp đôi.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**GV giới thiệu bài mới**:

*Các em thân mến! Con người luôn mang trong mình muôn vàn cung bậc tâm trạng khác nhau. Những cung bậc tâm trạng đó có thể gửi gắm vào những vần thơ.*

*Đến với bài học 2 hôm nay, cô và các em sẽ khám phá những cung bậc tâm trạng mà những nhà thơ thế hệ trước đã kí thác vào những lời thơ nghệ thuật.*

**2. Thao tác 2: Tìm hiểu khái quát về bài học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr 39), lời đề từ và đọc lướt qua nội dung các phần của bài học 2, cho biết:  + *Chủ đề bài học 2 “Những cung bậc tâm trạng” gồm những văn bản đọc nào?*  *+ Các VB đọc chính có những điểm chung nào?*  *+ Ý nghĩa của văn bản đọc kết nối của bài học 2 là gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\*Chủ đề bài học:** Những cung bậc tâm trạng  **\*** Thể loại VB đọc chính: thơ song thất lục bát.  **- Tên các VB đọc chính:**  + Đọc VB1: *Nỗi niềm chinh phụ (*trích *Chinh phụ ngâm,* Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)  + Đọc VB2: *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê)  => Các VB đọc chính bao chứa nhiều cung bậc xúc cảm khác nhau của con người, để lại cho người đọc nhiều xúc cảm và suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống  **- VB đọc kết nối chủ điểm** thuộc VB thông tin: *Một thể thơ độc đáo của người Việt* (Dương Lâm An)  **=>** Giúp người đọc hiểu rõ hơn về thể thơ song thất lục bát trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam, từ đó thêm trân trọng những sáng tạo của cha ông. |

**Tiết 14,15,16:**

**VĂN BẢN 1: NỖI NIỀM CHINH PHỤ**

**(Trích *Chinh phụ ngâm*, nguyên tác của Đặng Trần Côn,  
bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?))**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát được thể hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ.*

- HS nhận biết và pt được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- HS nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

*2. Phẩm chất*

Đồng cảm với số phận người phụ nữ có chồng đi lính; trân trọng khát vọng lứa đôi của họ; căm ghét, lên án chiến tranh phong kiến.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:**  - *Em hãy kể tên những tác phẩm văn học trung đại giai đoạn từ thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX viết về người phụ nữ?*  - *Hãy khái quát đặc điểm chung về số phận của người phụ nữ qua những tác phẩm đó?*  *- Theo em, tại sao* ***người phụ nữ lại trở thành hình tượng tiêu biểu*** *trong văn học trung đại giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX ?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | \*Một số tác phẩm văn học trung đại giai đoạn từ thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX viết về người phụ nữ:  - Thơ Hồ Xuân Hương:Chùm thơ *Tự tình (3 bài); Bánh trôi nước,...*  *- Truyện Kiều (*Nguyễn Du)  *-* Các khúc ngâm: *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm); *Cung oán ngâm khúc* (Nguyễn Gia Thiều),...  \*Đặc điểm chung về số phận của người phụ nữ qua những tác phẩm: chịu số phận bất hạnh, bị xã hội chà đạp, không được định đoạt quyền sống, quyền hạnh phúc của cá nhân,...  \*Xã hội Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX bộc lộ nhiều mặt tiêu cực, xảy ra nhiều cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến trong nước, nhân dân phải chịu cảnh lầm than, trong đó đặc biệt là người phụ nữ.   |  |  | | --- | --- | |  | Hồ Xuân Hương - Thơ và đời - Baza.vn | |  |  | |

**GV dẫn vào bài mới:**

Hình tượng người phụ nữ là một trong những hình tượng trung tâm của nhiều tác phẩm văn học trung đại. Các tác giả trung đại đã lên tiếng đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho người phụ nữ qua những tác phẩm của mình.

Trong tiết học hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ* *(*trích *Chinh phụ ngâm,* Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm) để thấu hiểu những cung bậc tâm trạng của người vợ lính khi có chồng phải đi chinh chiến nơi xa.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu :** Giúp HS tìm hiểu chung về tác giả, dịch giả; thể loại, tác phẩm và đoạn trích.

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về thể loại, tác giả và văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 01: Tìm hiểu thể thơ song thất lục bát**  **Yêu cầu:** Điền từ còn thiếu vào các chỗ trống: | |
| **1. Nguồn gốc** | *Song thất lục bát là thể thơ có nguồn gốc ...(1)...* |
| **2. Số tiếng – số khổ** | *- Kết hợp đan xen từng cặp câu ...(2)... với từng cặp câu...(3)...*  *- Bài thơ song thất lục bát có thể chia khổ hoặc không, số câu thơ trong mỗi khổ thơ cũng không...(4)....*  *- Thể thơ song thất lục bát cũng có hiện tượng ...(5)...: có khi bài mở thành bằng cặp lục bát; có khi một số cặp lục bát liền nhau,...* |
| **3. Vần** | *Về vần, thơ song thất lục bát sử dụng cả ...(6)...và ...(7)...* |
| **4. Thanh điệu** | *Về thanh điệu, thanh bằng (B) – thanh trắc (T) của các tiếng ở một số vị trí trong câu thơ là...(8)...* |
| **5. Ngắt nhịp** | *Cách ngắt nhịp của thơ song thất tương đối...(9)...* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu thơ thơ song thất lục bát**  **Bước 1*.*Chuyển giao nhiệm vụ**  **Trò chơi “Ong tìm chữ”.**  **Yêu cầu:** HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành PHT số 01 trong thời gian 03 phút.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo cặp, hoàn thành yêu cầu.  - GV khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi một vài HS phát biểu. * Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn hóa kiến thức.  **Gợi ý đáp án**:  (1) *dân tộc*; (2) *7 tiếng*; (3) *6 và 8 tiếng*; (4) *cố định*; (5) *vần lưng*; (6) *vần chân*; (8) *cố định*; (9) *linh hoạt.* | I. TÌM HIỂU CHUNG  **1. Thể thơ song thất lục bát**   |  |  | | --- | --- | | 1.Ng gốc | Song thất lục bát là thể thơ có nguồn gốc dân tộc. | | 2.Số tiếng – số khổ | - Kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng với từng cặp câu 6 và 8 tiếng.  - Bài thơ song thất lục bát có thể chia khổ hoặc không, số câu thơ trong mỗi khổ thơ cũng không cố định.  - Thể thơ song thất lục bát cũng có hiện tượng biến thể: có khi bài mở thành bằng cặp lục bát; có khi một số cặp lục bát liền nhau,... | | 3. Vần | Về vần, thơ song thất lục bát sử dụng cả vần lưng và vần chân. | | 4.Thanh điệu | Về thanh điệu, thanh bằng (B) – thanh trắc (T) của các tiếng ở một số vị trí trong câu thơ là cố định. | | 5.Ngắtnhịp | Cách ngắt nhịp của thơ song thất tương đối linh hoạt. | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc phần **Tri thức Sau khi đọc,** thảo luận nhóm trong 03 phút:  - **Nhóm 1 + nhóm 2**: Tìm hiểu về *tác giả* và *dịch giả*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Quê hương | Thời đại | Đóng góp VH | | Tác giả |  |  |  | | Dịch giả |  |  |  |   *-* **Nhóm 3, nhóm 4**: Tìm hiểu những nét chung về tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và đoạn trích “*Buổi tiễn đưa*”   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* | Hoàn cảnh ra đời  ...... | Thể loại, thể thơ  ........... | | Đoạn trích | Vị trí  ....... | Nội dung chính  ........... |   (GV có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm chuẩn bị sản phẩm trước tiết học).  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm theo nhiệm vụ được phân công.  - HS có thể trình bày sản phẩm trên giấy A0, hoặc thuyết trình qua Powerpoint.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | **2. Tác giả và dịch giả**  **2.1. Tác giả Đặng Trần Côn**  **-** Đặng Trần Côn (?- ?), quê ở Nhân Mục – Thanh Trì nay Nhân Chính, Thanh Xuân – Hà Nội   * Sống vào khoảng đầu thế kỉ XVIII * Ngoài “Chinh phụ ngâm”, ông còn làm thơ chữ Hán và viết một số bài phú.   - Tác phẩm của ông thường chú trọng thể hiện những tình cảm riêng tư, những nỗi niềm trắc ẩn của con người.  **2.2. Dịch giả Đoàn Thị Điểm (?)**  - Đoàn Thị Điểm (1705-1748), hiệu là Hồng Hà nữ sĩ, quê ở tỉnh Hưng Yên.  - Bà sáng tác văn thơ bằng cả chữ Hán và chữ Nôm.  - Tác phẩm hiện còn: T*ruyền kì tân phả, Nữ trung tùng phận*, một số bài thơ.  - Hiện nay cũng có ý kiến cho rằng Phan Huy Ích (1750 – 1822) là tác giả của bản diễn Nôm hiện hành.**3. Tác phẩm và đoạn trích**  **3.1. Tác phẩm *Chinh phụ ngâm***  *\** **Hoàn cảnh ra đời**:  - Đầu đời vua Lê Hiển Tông có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh kinh thành. Triều đình cất quân đánh dẹp.  - Đặng Trần Côn “cảm thời thế mà làm ra”.  \* **Thể loại – thể thơ:**  - Thể loại: ngâm khúc  ***Ngâm khúc***: Là một thể loại thường dùng thể thơ song thất lục bát, viết về những nỗi niềm tâm sự, những xúc cảm sầu muộn, ai oán, xót thương.  - Nguyên tác: Gồm 476 câu thơ, viết bằng chữ Hán theo thể trường đoản cú .  - Bản diễn Nôm hiện hành: Gồm 408 câu thơ, theo thể song thất lục bát.  **3.2. Đoạn trích “Nỗi niềm chinh phụ”**  \***Vị trí**: gồm 24 câu thơ, từ câu 41 đến câu 64.  \***Nội dung chính**: Thể hiện những tình cảm đầy lưu luyến của người chinh phu và người chinh phụ lúc chia tay. |

**2.2. Hoạt động 2.2. Đọc – khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát được thể hiện trong đoạn trích *Nỗi niềm của người chinh phụ.*

- HS nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- HS nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

**b. Nội dung hoạt động**: thảo luận nhóm, cặp đôi, suy nghĩ cá nhân.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 02:** | | |
| **NV1. Tìm hiểu một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích** | | |
| **Đặc điểm** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời của HS** |
| **1. Số tiếng** | Nhận xét về số tiếng của các dòng thơ. | ................ |
| **2. Vần** | Đoạn trích gieo những loại vần nào, ở ở những tiếng nào, tiếng đó ở vị trí nào (chữ thứ mấy trong câu thơ)? | ................ |
| **3. Thanh điệu** | Xác định thanh điệu bằng (B) – trắc (T) trong một đoạn ngắn của đoạn trích theo mô hình của SGK phần Tri thức Ngữ văn. | ................ |
| **4. Ngắt nhịp** | Đề xuất phương án ngắt nhịp bốn câu thơ sau và cho biết tác dụng của cách ngắt nhịp đó:  *Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.* | ................ |
| **NV2: Xác định nhân vật trữ tình và bố cục của đoạn trích *Nỗi niềm chinh phụ*** | | |
| *? Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là ai?*  *? Đoạn trích chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần.* | | ................ |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 03:**  **Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của người chinh phụ trong buổi tiễn đưa** | |
| **\*Trạm 1: Li biệt**  **Đọc 12 câu thơ đầu: *Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống... Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà.*** | |
| - Ở phần đầu đoạn thơ, âm thanh và không gian được miêu tả như thế nào?  - Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:  *“Dấu chàng theo lớp mây đưa*  *Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà”*  - Đoạn thơ đã thể hiện tâm trạng gì của người chinh phụ lúc vừa mới chia li chồng? | ...................................  ...................................... |
| **\*Trạm 2: Sau phút chia li**  **Đọc phần cuối: *Chàng thì đi cõi xa mưa gió... Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*** | |
| - Hình ảnh “chàng” và “thiếp” được miêu tả trong đoạn thơ như thế nào?  - Em hiểu như thế nào về hai câu thơ “*Khói Tiêu Tương... cách Tiêu Tương mấy trùng”*?  - Nêu và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu cuối đoạn trích. | ......................................  ...................................... |
| **Nhận xét chung**:  - Nhận xét về tâm trạng của người chinh phụ trong buổi tiễn đưa chồng ra trận.  - Theo em, vì sao dù lòng rất buồn khi tiễn chồng đi nhưng người chinh phụ vẫn để chồng lên đường ra trân? | ......................................  ...................................... |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 04:**  **Tìm hiểu một số nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích** | | |
| **1. Biện pháp tu từ** | Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nổi bật nào? Lấy một số ví dụ và phân tích tác dụng của việc sử dụng những biện pháp tu từ trong các trường hợp đó. | ........................ |
| **2. Hình ảnh** | Chỉ ra và nêu ý nghĩa của những hình ảnh ước lệ, tượng trưng trong đoạn trích. | ........................ |
| **3. Ngôn ngữ** | Nêu đặc điểm ngôn ngữ của đoạn trích. | ........................ |
| **4. Miêu tả nội tâm nhân vật** | Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật ở đoạn trích có gì đặc sắc? | ........................ |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1. Hướng dẫn HS đọc VB**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: đọc với giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng, ngắt nhịp theo cảm xúc của các nhân vật trữ tình.  - Chú ý các điển cố, điển tích.  - GV mời 1 HS đọc diễn cảm đoạn trích; các HS khác nhận xét.  - GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *theo dõi, hình dung.*  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **II. ĐỌC – KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  - Đọc  - Tìm hiểu các chú thích.  HS chú ý cách hiểu đúng 2 từ ngữ: *chinh phu – chinh phụ*.  + *chinh phu:* người chồng đi ra trận, đi chinh chiến nơi xa  + *chinh phụ*: người vợ lính, người vợ có chồng ra trận. |
| **Thao tác 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích; bố cục; nhân vật trữ tình**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** HS thảo luận cặp đôi trong 05 phút, hoàn thành PHT số 02.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi theo yêu cầu.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 số đại diện cặp đôi phát biểu.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích; nhân vật trữ tình; bố cục**  **2.1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích**   |  |  | | --- | --- | | **1. Số tiếng** | Đan xen giữa cặp câu 7 tiếng (song thất) và cặp câu 6 và 8 tiếng (lục bát). | | **2. Vần** | - Ở cặp câu 7 tiếng: tiếng cuối cùng của câu 7 trên hiệp vần lưng với tiếng thứ ba (hoặc thứ 5) của câu 7 ngay sau nó.  - Ở cặp câu lục bát: hiệp vần lưng ở tiếng cuối của câu 6 tiếng và tiếng thứ tư (hoặc tiếng thứ 6) của câu 8 tiếng.  - Vần chân được gieo ở tiếng cuối tất cả các câu thơ.  **Ví dụ:**  **(***Quân đưa chàng ruổi lên đường,*  *Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chăng?)*  *Tiếng địch thổi nghe* ***chừng*** *đồng* ***vọng****,*  *Hàng cờ bay trông* ***bóng*** *phất* ***phơ****.*  *Dấu chàng theo lớp mây* ***đưa****,*  *Thiếp nhìn rặng núi ngẩn* ***ngơ*** *nỗi* ***nhà****.*  *(Chàng thì đi cõi xa mưa gió*  *Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn)*  **Nhận xét:** chữ *chừng* (vần *ưng*, gần âm với vần *ăng*) hiệp vần với *chăng* ở cuối câu thơ liền trước (*Liễu dương biết thiếp đoạn trường này* ***chăng***); chữ *nhà* (vần *a*) hiệp vần với *xa* ở chữ thứ 5 của câu thơ liền sau (*Chàng thì đi cõi* ***xa*** *mưa gió*); các vần gieo ở giữa câu thơ là vần lưng (yêu vận): *chừng, bóng, ngơ;* ở cuối câu thơ là vần chân (cước vận): *vọng, phơ, đưa, nhà*. | | **3. Thanh điệu** | Tuân thủ quy tắc thanh điệu của thể thơ song thất lục bát:  **Ví dụ:** | | **4. Ngắt nhịp** | **Ví dụ cách ngắt nhịp trong đoạn thơ:**  **- Cách 1:**  *Chốn Hàm Kinh/ chàng còn ngoảnh lại (3/4) Bến Tiêu Tương/ thiếp hãy trông sang (3/4) Khói Tiêu Tương/ cách Hàm Dương (3/3)*  *Cây Hàm Dương/ cách Tiêu Tương mấy trùng. (3/5)*  =>Tác dụng: Cách ngắt nhịp này đảm bảo được tính liên kết của từ ngữ, tạo nhịp điệu đều đặn, dàn trải, đem lại cảm xúc về một nỗi buồn man mác, mênh mang.  - Cách 2:  *Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại (3/1/3) Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang (3/1/3) Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương (3/1/2) Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng. (3/1/4)*  => Tác dụng: Việc nhấn mạnh vào một số từ (bằng cách tách nhịp riêng) giúp người đọc cảm nhận rõ hơn những chi tiết cần quan tâm. Ở khổ thơ này, cách ngắt nhịp có tính chất “phá cách” khi ngắt riêng một âm tiết không chỉ giúp tạo điểm nhấn, mà còn thể hiện nỗi niềm day dứt, trăn trở của người chinh phụ. |   **2.2. Nhân vật trữ tình:** người chinh phụ (người vợ có chồng ra trận).  **2.3. Bố cục:** 2 phần  - **12 câu thơ đầu**: Nỗi niềm của người chinh phụ lúc vừa chia li người chinh phu.  - **12 câu thơ cuối**: Nỗi niềm của người chinh phụ khi một mình trở về nhà. |
| **Thao tác 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu diễn biến tâm trạng của người chinh phu**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chia lớp thành 04nhóm.   - Các nhóm sẽ thảo luận trong thời gian tối đa **10 phút** để hoàn thành **PHT số 3** theo từng trạm: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của người chinh phụ trong buổi tiễn đưa:  + **Trạm 1: Li biệt**  **+ Trạm 3: Sau phút chia li**  - Trong từng trạm, mỗi nhóm phải hoàn thành PHT tương ứng. Hoàn thành xong PHT của trạm 1, nhóm sẽ nộp sản phẩm PHT cho GV để lấy PHT trạm 2.  Hoàn thành xong cả PHT ở cả 2 trạm là nhóm đã hoàn thành xong **PHT số 03.**  **- Yêu cầu:** Tất cả các thành viên cùng thảo luận PHT ở từng trạm; chỉ khi tất cả các thành viên đều nắm được kiến thức ở từng trạm thì mới chuyển sang PHT trạm tiếp theo.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo nhóm, lần lượt hoàn thành các PHT trong từng trạm để hoàn thành **PHT số 03.**  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi ngẫu nhiên thành viên bất kì của các nhóm trình bày sản phẩm:  + **Nhóm 1**: trình bày sản phẩm trạm 1  **Nhóm 2** phản biện, đặt câu hỏi.  + **Nhóm 3**: trình bày sản phẩm trạm 2  Nhóm 4 phản biện, đặt câu hỏi.  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn kiến thức. | **3. Diễn biến tâm trạng của người chinh phu**  **3.1. Nỗi niềm của người chinh phụ lúc vừa chia li người chinh phu**  **hinh-anh-nguoi-chinh-phu-trong-phu-ngam-dang-tran-con**  - Khung cảnh chia li thể hiện qua hai câu thơ: *Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống/ Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay*. 🡪 Âm thanh nhạc ngựa và tiếng trống gợi nên sự hối hả, khẩn trương lúc người chinh phu lên đường ra trận, khiến cho khoảnh khắc gặp gỡ trở nên ngắn ngủi, vội vã. Hai câu đầu tái hiện khoảnh khắc chia li đớn đau, chóng vánh.  - Không gian chia cắt đôi lứa: *Hà lương chia rẽ đường này ... Quân đưa chàng ruổi lên đường* 🡪 Nhìn bóng cờ đội quân lên đường của chồng, người chinh phụ “ngùi ngùi” trong lòng 🡪Tâm trạng lưu luyến, thoáng buồn khi vừa chia li chồng lên đường ra trận.  - Câu hỏi tu từ: *Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chăng?*  🡪 Nỗi đau chia ly càng lúc càng tăng lên.  - Hai câu thơ: “*Dấu chàng theo lớp mây đưa / Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà*” miêu tả sự mơ hồ, xa xăm của hình ảnh người chồng đi xa, để lại nỗi nhớ nhung vô bờ trong tâm hồn người ở lại  => Thể hiện sự trông ngóng, đợi chờ, sự luyến tiếc, nhớ thương giữa chàng và thiếp trong xa cách.  **3.2. Nỗi niềm của người chinh phụ khi một mình trở về nhà**    **CP**   * Sử dụng hình ảnh đối lập:   + *Chàng đi – thiếp về*  *+ Cõi xa mưa gió – buồng cũ chiếu chăn*  ⇒ Chàng thì ra nơi chiến trận hiểm nguy, thiếp trở về với tổ ấm hạnh phúc nhưng giờ đã trở thành nơi lạnh lẽo, cô đơn, từ đó, nhấn mạnh sự xa cách khắc nghiệt và hiện thực chia li phũ phàng.  - Hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng cho sự xa cách: *mây biếc, núi xanh* kết hợp với các động từ “tuôn”, “trải”  🡪 Diễn tả không gian xa cách lứa đôi rộng lớn, vô cùng, vô tận; gợi nỗi buồn chia li, nỗi xót xa cô đơn khi hạnh phúc bị chia cắt làm cho nỗi buồn chia li trở nên da diết, dài rộng đến không cùng  - Bốn câu tiếp: “*Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại ...Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng*”  + Nghệ thuật đối: chàng ngoảnh lại – thiếp trông sang  + Địa danh: *Hàm Kinh, Tiêu Tương* 🡪 biểu tượng cho sự cách xa ngàn trùng giữa hai người và nỗi sầu chia li dằng dặc, mức độ tăng tiến dần.  - Bốn câu thơ cuối: *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy ... Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  + Nghệ thuật đối lập: *Trông lại – chẳng thấy*  + Điệp ngữ bắc cùng: *những mấy ngàn dâu - ngàn dâu xanh ngắt*  + Tính từ chỉ mức độ: *xanh xanh, xanh ngắt*  + Câu hỏi tu từ: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai*? 🡪 Nhấn mạnh sự đồng cảm và chia sẻ nỗi đau giữa người chồng và người vợ, dù họ phải chịu đựng nỗi nhớ nhung và lo lắng trong những hoàn cảnh khác nhau.  => Khi một mình trở về nhà, người chinh phụ rơi vào tâm trạng lo lắng, sầu muộn, đớn đau khôn tả. Nỗi buồn biệt li đã trở thành một nỗi sầu thương nặng trĩu trong tâm hồn người chinh phụ.  **\*Nhận xét chung:**  - Tâm trạng người chinh phụ trong buổi đưa tiễn chồng lên đường ra trận được khắc họa qua nhiều cung bậc khác nhau: Từ nỗi lưu luyến, bịn rịn trong cảnh tiễn đưa, đến ngẩn ngơ, trống vắng khi nhìn theo bóng chàng xa khuất. Lòng nàng cô đơn, trống trải khi trở về căn nhà cũ, nơi đầy ắp những kỉ niệm hạnh phúc lứa đôi. Nỗi sầu của người chinh phụ ngày càng tăng lên, để rồi dâng lên đến đỉnh điểm ở câu thơ cuối đoạn trích.  - Dù không muốn xa chồng, lo lắng cho an nguy của chồng khi đến nơi binh đao, loạn lạc, nhưng nàng hiểu được chí nguyện lập công danh của chồng nên không nỡ cản. Nàng thừa hiểu đối với bậc nam nhi sinh ra trong thời phong kiến thì lí tưởng của họ là trả món nợ công danh, thực hiện chí làm trai. Do đó, là một người vợ, nàng không muốn để tấm lòng “nữ nhi thường tình” kia làm cản bước chồng. |
| **Thao tác 4. Hướng dẫn HS tìm hiểu một số nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** HS thảo luận theo bàn trong 05 phút, hoàn thành PHT số 04.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo bàn, thực hiện yêu cầu của GV.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số bàn phát biểu.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **4. Một số nét nghệ thuật đặc sắc**  **\* Sử dụng có hiệu quả một số biện pháp tu từ:**  **- Phép đối:**  Ví dụ:  + Phép trường đối (đối giữa hai câu thơ, thường sử dụng trong hai câu thất):  “*Chàng thì đi cõi xa mưa gió*  *Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn”*  🡪 Phép đối có tác dụng nhấn mạnh sự chia lìa, những khó khăn của người chinh phu và người chinh phụ khi không được gần bên nhau.  *Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại,*  *Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.*  🡪 Phép đối nhấn mạnh nhấn mạnh tình cảm quyến luyến, yêu thương gắn bó giữa người chinh phu và chinh phụ, dù ở hai không gian cách biệt nhưng vẫn luôn hướng về nhau. + ***Phép tiểu đối*** (thường đối giữa hai vế của câu 8 tiếng): ++ *Tuôn màu mây biếc, trải ngần núi xanh 🡪* Hai vế tiểu đối nhấn mạnh khoảng cách chia lìa, mỗi lúc một xa nhau hơn giữa hai người.  ++ Lòng chàng ý thiếp 🡪Phép tiểu đối nhấn mạnh hơn nỗi lòng của đôi lứa khi xa nhau.  - **Biện pháp tu từ điệp ngữ:**  Ví dụ:  *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu,*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*  Điệp ngữ thể hiện ở các từ “cùng”, “thấy”, “ngàn dâu”, “ai”, đặc biệt là điệp ngữ bắc cầu (điệp ngữ vòng) “ngàn dâu” 🡪Tác dụng: diễn tả sự đồng điệu trong xúc cảm của cả hai người, tâm trí hai người cùng hướng về nhau, với cảm xúc trào dâng mãnh liệt.  - Sử dụng các câu hỏi tu từ đặc sắc: “*Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chăng?”, “Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”* 🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh hơn nỗi đau chia li trong lòng người chinh phụ và tấm lòng đồng cảm với người chồng đang chinh chiến nơi xa.  **\* Sử dụng nhiều hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng, giàu sức gợi:**  Ví dụ:  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  Hình ảnh ẩn dụ ngàn dâu xanh: “*xanh xanh những mấy ngàn dâu”, “ngàn dâu xanh ngắt*”.  Đây là hình ảnh vừa có màu sắc tả thực (khung cảnh thiên nhiên trong buổi đưa tiễn), vừa có tính tượng trưng (*ngàn dâu xanh* là một hình ảnh ước lệ). Tác dụng: khắc hoạ tâm trạng đầy mâu thuẫn, cảnh ngộ đầy trớ trêu của người chinh phụ.  **\* Ngôn ngữ**: giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, thể hiện sự tinh tế của nhà thơ khi miêu tả tâm trạng và nỗi niềm của nhân vật trữ tình.  **\* Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật:**  + Cách xưng hô “thiếp - chàng” thể hiện sự kính trọng, gắn bó sâu đậm.  + Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngoại cảnh: làn nước, hoa cỏ bên đường; ngàn dâu; sự tương phản giữa không gian ra trận khắc nghiệt (“cõi xa mưa gió”) và không gian vắng lặng, đơn chiếc (“buồng cũ chiếu chăn”) tạo nên sự cách biệt về không gian ngàn trùng, từ đó thấy được sự đau đớn, nỗi nhớ nhung và sự lo lắng của người vợ.  + Miêu tả nội tâm nhân vật qua các hành động: “*nhủ”, “cầm tay”, “bước đi một bước dây dây lại dừng”, “thiếp nhìn rặng núi...”, “đoái trông theo...trông sang”, “cùng trông lại mà cùng chẳng thấy”*  *+* Bộc lộ trực tiếp tâm trạng lưu luyến, bịn rịn, nhớ nhung*: “dằng dặc buồn”, “phiền chẳng rửa”, “dạ chẳng khuây”, “ngùi ngùi”, “đoạn trường”, “ngẩn ngơ nỗi nhà”, “ai sầu hơn ai?”* |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS trao đổi theo cặp trong bàn:  *- Rút ra những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.*  *- Em rút ra những lưu ý gì khi đọc hiểu một văn bản thơ song thất lục bát.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  **1. Đặc sắc nội dung**  - Đoạn trích đã thể hiện một cách tinh tế, sâu sắc tâm trạng và nỗi niềm của người chinh phụ trong hoàn cảnh tiễn người chinh phu ra trận.  -  Thấy được tài năng và sự cảm thông vô bờ của tác giả và dịch giả: Đồng cảm, sẽ chia; tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa; đề cao khát vọng hạnh phúc của con người.  **2. Đặc sắc nghệ thuật**  - Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ kết hợp các hình ảnh tượng trưng, ước lệ giàu sức gợi.  - Ngôn ngữ giàu cảm xúc, được chọn lọc tinh tế; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc.  **3. Lưu ý về cách đọc hiểu thơ song thất lục bát**   * Xác định **nhân vật trữ tình** **(chủ thể trữ tình)**: Trả lời câu hỏi: Ai đang thể hiện tình cảm của mình trong bài thơ/đoạn trích? Chủ thể ấy xuất hiện trực tiếp hay ẩn đi trong VB?,… * Xác định và phân tích một số yếu tố về **thi luật** như vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ. * Xác định và phân tích được **tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo** của người viết thể hiện qua VB; chỉ ra những nét đặc sắc trong **nghệ thuật** của tác phẩm, tìm **chủ đề** của VB,... |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**3.1. Nhiệm vụ 1: Chia sẻ**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Em có ấn tượng nhất với hình ảnh nào trong đoạn trích? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi 1 số HS phát biểu theo kĩ thuật trình bày một phút.
* HS phát biểu xong sẽ mời HS ngẫu nhiên tiếp theo trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý cách trả lời**

* HS chọn được hình ảnh ấn tượng, nêu vị trí của hình ảnh.
* Nêu ý nghĩa của hình ảnh đó.

(Chú ý nên chọn các hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng.)

**Ví dụ:**

* Đọc đoạn trích *Nỗi niềm chinh phu* (trích *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn), em đặc biệt ấn tượng với hình ảnh “ngàn dâu” trong cặp câu thơ:

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*

*Ngàn dâu xanh ngắt một màu*

- Ý nghĩa của hình ảnh:

+ Trước tiên “ngàn dâu” là hình ảnh thực chỉ không gian cách trở của đôi lứa, người chinh phụ dõi theo bóng chồng nhưng chỉ thấy trước mắt màu xanh ngắt của dâu xanh.

+ Đó là hình ảnh biểu tượng cho sự xa xôi mà khó có thể tưởng tượng đến được. Tác giả còn khéo kéo sử dụng điệp ngữ vòng, khiến cho từ *ngàn dâu* vắt liền từ câu thơ trước sang câu thơ sau, khiến cho sự xa cách kia như được kéo dài ra thêm, tạo nên cả một khoảng trống không gian khổng lồ. Hình ảnh ấy khiến người vợ càng thêm đau khổ và bất lực; đồng thời khắc họa được nỗi nhớ thương và buồn đau da diết của người chinh phụ.

**3.2. Nhiệm vụ 2: Viết kết nối với đọc**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**

**Nhiệm vụ:** Viết đoạn văn ngắn (7 - 9 câu) phân tích tâm trạng của người chinh phụ thể hiện trong bốn câu thơ:

*Chàng thì đi cõi xa mưa gió,  
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.*

*Đoái trông theo đã cách ngăn,  
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh*.

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
* GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
* Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.
* HS tự kiểm tra mức độ đạt yêu cầu của đoạn văn của mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý trả lời**

**\*Dàn ý chung:** Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu về nội dung và hình thức. Có thể theo gợi ý sau:

- Mở đoạn (viết trong 1 câu): Giới thiệu ngắn gọn bối cảnh tâm trạng của người chinh phụ.

- Thân đoạn (viết trong khoảng 5 - 7 câu):

+ Người chinh phụ lo lắng cho người chinh phu phải vất vả xông pha chốn xa trường.

+ Người chinh phụ tủi buồn khi phải cô đơn trong căn buồng của hai vợ chồng.

+ Mới chia tay thôi nhưng người chinh phụ đã cảm thấy khắc khoải nhớ mong, cảm giác như giữa hai người đã muôn trùng cách biệt.

- Kết đoạn (viết trong 1 câu): Khái quát tâm trạng chủ đạo của người chinh phụ thể hiện trong 4 câu thơ.

**\*Đoạn văn tham khảo:**

Bốn câu thơ trong đoạn trích “Nỗi niềm chinh phụ” (trích Chinh phụ ngâm, Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm) đã diễn tả thật sâu sắc nỗi lòng của người chinh phụ khi chia li chồng. Người chinh phụ lo lắng, bất an về những khó khăn, nguy hiểm mà người chồng có thể phải đối mặt ở phương xa, nơi mưa gió bão bùng: “Chàng thì đi cõi xa mưa gió”. Nàng trở về căn nhà vắng lặng trong nỗi trống trải, cô đơn: “Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn”. Phép đối trong hai câu thơ đầu có tác dụng nhấn mạnh sự chia lìa, những khó khăn của người chinh phu và người chinh phụ khi không được gần bên nhau. Ở hai câu thơ sau, hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng cho sự xa cách: *mây biếc, núi xanh* kết hợp với các động từ “tuôn”, “trải” đã diễn tả không gian xa cách lứa đôi rộng lớn, vô cùng, vô tận; gợi nỗi buồn chia li, nỗi xót xa cô đơn khi hạnh phúc bị chia cắt làm cho nỗi buồn chia li trở nên da diết, dài rộng đến không cùng. Phép tiểu đối trong câu thơ *Tuôn màu mây biếc, trải ngần núi xanh* càng nhấn mạnh khoảng cách chia lìa, mỗi lúc một xa nhau hơn giữa người chinh phu và người chinh phụ. Như vậy, bằng các biện pháp tu từ đặc sắc, chỉ với bốn câu thơ ngắn nhưng nhà thơ đã khắc họa sâu sắc những cung bậc cảm xúc vừa lo lắng, bất an, vừa cô đơn, trống trải trong lòng người chinh phụ sau phát giây tiễn chồng lên đường ra trận. Đằng sau lời thơ là nỗi đồng cảm của tác giả với nỗi niềm của những người vợ lính.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Kĩ thuật Think – pair – share**

**Yêu cầu:** Qua tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích, em hiểu gì thêm về giá trị của cuộc sống?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ độc lập, sau đó chia sẻ cặp với bạn bên cạnh, rồi chia sẻ với cả lớp theo hình thức vòng tròn.

GV quan sát, khích lệ.

GV cung cấp bảng đánh giá Rubric để định hướng tiêu chí cho HS:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS chia sẻ trước cả lớp theo kĩ thuật trình bày 01 phút, theo lối vòng tròn (HS chia sẻ xong 🡪 mời bạn tiếp theo chia sẻ)

Các HS khác lắng nghe và đánh giá phần chia sẻ của các bạn theo bảng tiêu chí Rubric mà GV cung cấp.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

**Gợi ý trả lời**

Sự lưu luyến, buồn lo, cô đơn,...của người chinh phụ luôn gắn với những giá trị của cuộc sống mà người chinh phụ theo đuổi:

+ Trân trọng lí tưởng công danh và sự nghiệp của chồng.

+ Trân quý những tình cảm của con người, trong đó có tình cảm vợ chồng gắn bó tha thiết.

+ Hi sinh bản thân để đem lại hạnh phúc cho người khác, trong đó có người mình yêu thương.

+ Trân trọng giá trị của hòa bình khi không có chiến tranh.

RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 17:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ.

*2. Phẩm chất*

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chơi chữ khi cần thiết phù hợp với mục đích biểu đạt.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Ai nhanh trí nhất?**  **Yêu cầu:** Giải câu đố sau:  ***“Bà đó bả chết bả bay lên trời”***  ? Hỏi bà đó chết năm bao nhiêu tuổi và vì sao bà đó chết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời HS xung phong trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | ***“Bà đó bả chết bả bay lên trời”.***  **-** “Bà đó” 🡪 bò đá  - “bả bay” 🡪 bảy ba (73)  => Như vậy, bà đó chết năm 73 tuổi vì bị bò đá. |

**GV kết nối, dẫn vào bài mới:** Trên đây là một ví dụ về biện pháp chơi chữ để tạo nên ấn tượng, thú vị cho người nghe.Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cách nhận biểt và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS nắm được cách nhận biểt và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc mục *Tri thức Ngữ văn*  (tr 40/ SHS) và mục *Một số cách chơi chữ thường gặp* (phần đóng khung, tr 46-47/ SHS), trả lời các câu hỏi sau:   * *Thế nào là biện pháp chơi chữ?* * *Nêu một số cách chơi chữ thường gặp. Lấy ví dụ minh họa.* * *Theo em, biện pháp chơi chữ được sử dụng ở đâu?*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. * GV khuyến khích HS có thể trình bày câu trả lời bằng sơ đồ..   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các cặp khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | I. LÝ THUYẾT  **1. Khái niệm**  Chơi chữ là biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa của từ ngữ một cách khéo léo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe).  **2. Một số cách chơi chữ thường gặp**   * Dùng từ đồng âm. * Dùng từ gần âm (trại âm). * Dùng lối điệp âm. * Dùng lối nói lái.   - Dùng từ trái nghĩa.  - Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa.  => Những cách chơi chữ này có thể sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau làm phong phú thêm cho tư duy, đồng thời tạo sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói.  **3. Phạm vi sử dụng**  - Dùng trong giao tiếp sinh hoạt đời thường.  - Dùng trong sáng tác văn học: thơ văn trào phúng, câu đối, ca dao,.. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**

HS nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ.

**b. Sản phẩm:** Nội dung trả lời bài tập 1 (SHS/ tr. 46 - 47).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài tập 1 (Tr 40/ SGK):** Chỉ ra và nên tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ trong các trường hợp.  => Yêu cầu thảo luận nhóm trong 05 phút:  + **Nhóm 1, 2**: trường hợp a, b, c, d  + **Nhóm 3, 4**: trường hợp g, h, i, k  **Cách làm:**  + Chỉ ra BPTTchơi chữ được sử dụng trong mỗi trường hợp.  + Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo yêu cầu.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | II. THỰC HÀNH  **1. Bài tập 1 (Tr 46/SHS)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Biện pháp tu từ chơi chữ** | **Tác dụng** | | a | *- chín* (1) là tính từ chỉ khả năng nắm chắc, tinh thông, kĩ lưỡng, đầy đủ mọi khía cạnh;  - *chín* (2) là danh từ chỉ số lớn nhất có một chữ số trong dãy số tự nhiên, tượng trưng cho ý nghĩa là nhiều.  🡪 Đây là cách thức chơi chữ dùng từ đồng âm. | - Làm phong phú cho tư duy (cùng một âm đọc nhưng có thể là những từ khác nhau, biểu thị các ý nghĩa khác nhau).  - Đem lại sự thú vị cho câu nói, để từ đó gửi gắm bài học ý nghĩa. | | b | *- phụ* là một yếu tố Hán Việt có nghĩa là cha, đồng âm với *phụ* trong từ *đậu phụ*;  - *mẫu* là một yếu tố Hán Việt có nghĩa là mẹ, đồng âm với *mẫu* trong từ *ích mẫu*.  🡪 Đây là cách thức chơi chữ dùng từ đồng âm kết hợp với đồng nghĩa. | Vừa giúp làm phong phú tư duy (kiến thức về các yếu tố Hán Việt đồng âm), vừa tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (tên các thức bồi bổ cho cơ thể lại chứa yếu tố mang ý nghĩa gợi nhớ tới cha mẹ). | | c | - *cáo* (con cáo) cùng trường nghĩa với *mèo* (con mèo) để chỉ những loài thú, đồng thời đồng âm với *cáo* trong từ *mắt cáo* (chỉ các lỗ trống được tạo ra bởi các nan đan lại với nhau của bờ giậu);  - *tôm* (con tôm) cùng trường nghĩa với *tép* (con tép) để chỉ những loài sống ở dưới nước, đồng thời đồng âm với *tôm* trong cụm từ *lòng tôm* (chỉ hình dáng lõm, võng xuống của lòng rổ).  🡪Đây là cách thức chơi chữ dùng từ cùng trường nghĩa kết hợp từ đồng âm. | Vừa giúp làm phong phú tư duy (liên tưởng các từ gần âm trong cùng một trường nghĩa), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (tên các sự vật có âm gần với tên các con vật; sự vật đó được tạo ra để ngăn trở con vật nhưng lại không phát huy được công năng của nó: giậu rào mắt cáo (nan cài rất mau) mà không ngăn được mèo chui qua; rổ nức lòng tôm (lòng rổ nức rất sâu) mà vẫn không ngăn được tép nhảy ra ngoài). | | d | - *bánh cả thúng* (ý nói là có nhiều bánh) nhưng tên sự vật là *bánh ít*, đồng âm với từ *ít* (trái nghĩa với *nhiều*);  - *trầu cả khay* (ý nói là có nhiều trầu) nhưng tên sự vật là *trầu không,* đồng âm với từ *không* (trái nghĩa với *có*).  🡪 Đây là cách thức chơi chữ dùng kết hợp từ trái nghĩa với từ đồng âm. | Vừa giúp làm phong phú tư duy, vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (lời nói tưởng như vô lí mà thực ra là có lí). | | e | Các từ *nếp*, *xôi*, *gạo*, *cơm* đều là những danh từ có liên quan đến cây lúa.  🡪Đây là cách thức chơi chữ dùng từ cùng trường nghĩa. | Giúp tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (những sản vật của nền nông nghiệp lúa nước cùng được nhắc đến trong câu ca dao một cách thân thương). | | g | *Đá* là động từ chỉ hành động dùng chân tác động lên một đối tượng nào đó, đồng âm với *đá* là danh từ chỉ một loại chất rắn tồn tại nhiều trong vỏ Trái Đất.  🡪 Đây là cách thức chơi chữ dùng từ đồng âm. | Vừa giúp làm phong phú tư duy (buộc người nghe phải suy nghĩ để hiểu lời nói đang diễn tả điều gì), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (lời nói thoạt nghe khó hiểu, như một câu đố; nhưng khi nhận ra hiện tượng đồng âm thì lại thấy ý nghĩa rất giản dị). | | h | - Các địa danh và nhân danh là *chợ Đồng Nai*, *Bến Nghé, anh Hươu* chứa các tiếng đồng âm với *hươu*, *nai*, *nghé* là những từ chỉ các loài động vật;  - Các từ *hươu*, *nai*, *nghé*, *bò* cùng trường nghĩa, đều là những danh từ chỉ các loài động vật bốn chân  🡪 Đây là cách thức chơi chữ dùng từ đồng âm kết hợp từ cùng trường nghĩa. | Giúp tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (các địa danh có âm đọc gần với tên các loài vật). | | i | *cá đối*/ *cối đá*; *mèo cái*/ *mái kèo*  *🡪* Đây là cách thức chơi chữ dùng lối nói lái. | Vừa giúp làm phong phú tư duy (lời nói khiến người nghe phải suy ngẫm lí do vì sao các con vật lại ở vị trí ấy), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (mối liên hệ thú vị giữa tên gọi các con vật với vị trí chúng hiện diện). | | k | - Từ *dầu* chỉ một loại nhiên liệu, đồng âm với từ *dầu* để chỉ một loại dược phẩm;  - Từ *bắp* (còn gọi là *ngô*) chỉ một loại lương thực, đồng âm với từ *bắp* (trong *bắp chuối*) để chỉ hoa chuối khi các cánh còn cuộn tròn, chưa nở;  - Từ *than* là danh từ chỉ một loại nhiên liệu, thường có màu đen, đồng âm với từ *than* là động từ chỉ hành động thốt lên thành lời về nỗi khổ, nỗi bất hạnh của mình.  - Từ *bạc* là danh từ chỉ một loại nguyên liệu quý thường để làm đồ trang sức, đồng âm với từ *bạc* là tính từ chỉ ít, kém, sơ sài, nghĩa tình trước sau không như một. | Vừa giúp làm phong phú tư duy (mở rộng liên tưởng về các từ đồng âm), vừa tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (tạo sự bất ngờ). | |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS lấy được ví dụ về trường hợp sử dụng phép chơi chữ trong giao tiếp hằng ngày hoặc trong tác phẩm văn học, phân tích được tác dụng của phép chơi chữ trong trường hợp đó.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Trò chơi ĐỐ VUI**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV lần lượt trình chiếu câu hỏi đố vui (dựa trên hiện tượng chơi chữ). HS trả lời theo hình thức xung phong.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi đố vui** | **Gợi ý đáp án** |
| **Câu 1:***Có con mà chẳng có cha*  *Có lươi, không miệng, đó là vật chi?* | **Là con dao**  (Chơi chữ dùng từ trái nghĩa) |
| **Câu 2:***Khi đi cưa ngọn, khi về cũng cưa ngọn.*  (Là con gì?) | **Là con ngựa**  (Chơi chữ dùng lối nói lái  *Cưa ngọn 🡪 con ngựa*) |
| **Câu 3:** *Trùng trục như con bò thui*  *Chín mắt, chín mũi, chín đuôi, chín đầu*  (Là con gì?) | **Là con bò thui** (con bò bị cạo sạch lông, đem thui bằng rơm)  (Chơi chữ sử dụng từ đồng âm: “chín” vừa là số từ chỉ số lượng, vừa là tính từ chỉ vật được làm nóng bằng nhiệt đến mức có thể ăn được) |
| **Câu 4:**  *Trên trời rớt xuống mau co.* (Là cái gì?) | **Là mo cau**  (Chơi chữ dùng lối nói lái: *mau co 🡪 mo cau*) |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS tích cực tham gia trò chơi.

- GV động viên khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**NV2: Bài tập 2 (tr 47/SHS)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**HS thảo luận cặp đôi:** Nêu một trường hợp trong giao tiếp hàng ngày hoặc trong tác phẩm văn học có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Tác dụng khi sử dụng trường hợp đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi.

- GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**.

- Gọi đại diện một số HS phát biểu

**-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

**Gợi ý đáp án**

*Mùa xuân em đi chợ Hạ*

*Mua cá thu về, chợ hãy còn đông.* (Ca dao)

Biện pháp dùng từ cùng trường nghĩa (*xuân, hạ, thu, đông* chỉ 4 mùa) kết hợp từ đồng âm (*Hạ* (địa danh)*, thu* (loài cá), *đông* (đông đúc, nhiều người)*.* Tác dụng: vừa giúp làm phong phú tư duy (liên tưởng các từ gần âm trong cùng một trường nghĩa), vừa tạo nên sự bất ngờ cho lời nói (tên các mùa đồng âm với tên chợ, tên loài vật).

**NV3**. HS sưa tầm các ví dụ về chơi chữ khác.

Tiết 18,19:

VĂN BẢN 2: TIẾNG ĐÀN MƯA

*(Bích Khê)*

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát được thể hiện trong văn bản *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê).

- HS nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- HS nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

*2. Phẩm chất*

Trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1. Kĩ thuật trình bày 01 phút**  - *HS chia sẻ cảm nhận về một âm thanh hoặc một bản đàn từng khiến em xúc động.*  *-* GV mời 01 HS mở đầu, sau đó HS sẽ tự mời bạn kế tiếp chia sẻ cảm nhận.  **Cách 2: Xem video**  GV chiếu video “Âm thanh của cuộc sống” (Hoạt hình Nhật Bản) ( từ đầu đến 1p10s)    <https://www.youtube.com/watch?v=pUIblx6wDmE>  Câu hỏi:  - *Có những âm thanh nào xuất hiện trong đoạn video hoạt hình trên? Em ấn tượng với âm thanh nào nhất trong đoạn video trên?*  *- Em có cảm xúc gì khi lắng nghe những âm thanh cuộc sống quanh mình*.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | \* **Cách 1:** HS chia sẻ suy nghĩ theo cấu trúc:  *Em ấn tượng với âm thanh/ bản nhạc….bởi....*  **\*Cách 2**:  - Rất nhiều âm thanh có trong video ngắn: âm thanh thái rau củ quả, rửa rau, rán đồ ăn, tiếng mưa, âm thanh chụp ảnh,...  - HS chia sẻ cảm xúc khi được lắng nghe những âm thanh cuộc sống quanh mình: thấy bình yên, ấm áp, thêm trân trọng, thêm yêu cuộc sống. |

**GV dẫn vào bài mới:** Những thanh âm cuộc sống quanh ta thật đa dạng. Khi lắng nghe những thanh âm cuộc sống, mỗi người lại có những xúc cảm riêng, những nỗi niềm riêng.

Nhiều thi phẩm hay đã thể hiện những cảm xúc của những nhà thơ khi đón nhận những âm vang của cuộc sống quanh mình.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Đọc - khám phá chung**

**a. Mục tiêu :** Giúp HS tìm hiểu chung về tác giả Bích Khê và bài thơ *Tiếng đàn mưa* (xuất xứ, thể thơ, bố cục,...)

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản.

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Giọng chậm rãi, tha thiết.  - GV đọc mẫu cả bài, sau đó gọi một HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thẻ chiến lược đọc (thẻ theo dõi, thẻ hình dung, thẻ suy luận).  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số HS đọc VB.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG  **1. Đọc văn bản**  - Đọc văn bản.  - Tìm hiểu chú thích, từ khó hiểu. |
| Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả Bích KhêBước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:GV yêu cầu 01 nhóm lên báo cáo sản phẩm học tập tìm hiểu về tác giả Bích Khê (GV đã yêu cầu tìm hiểu trước tiết học)Có thể tổ chức như sau: Đóng vai phỏng vấn 1 HS hỏi – 1 HS trả lời để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của nhà thơ Bích Khê.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đóng cặp phỏng vấn: 01 HS đóng MC đưa ra câu hỏi - 01 HS trả lời.  - Giáo viên khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV mời 01 cặp HS báo cáo sản phẩm. * Các HS khác lắng nghe, nhận xét.   **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn hóa kiến thức. | **2. Tác giả Bích Khê**  Bích Khê  **Bích Khê** (1916 - 1946)  - Bích Khê (1916 - 1946) quê ở tỉnh Quảng Ngãi.  - Bích Khê được đánh giá cao với những bài thơ đặc sắc, giàu tính nhạc. Ông là nhà thơ có nhiều tìm tòi, cách tân trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945).  - Tác phẩm chính: các tập thơ *Tinh huyết* (1939), *Mấy dòng thơ cũ* (1988), *Tinh hoa* (1997),... |
| Thao tác 3: Tìm hiểu về bài thơ “Tiếng đàn mưa” **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV mời nhóm được giao nhiệm vụ chuẩn bị về phần khám phá chung tác phẩm cử đại diện lên báo cáo kết quả, hướng dẫn HS cả lớp khám phá chung về bài thơ “Tiếng đàn mưa”: **(1) Trò chơi: “Hỏi xoáy đáp xoay”**  HS đại diện nhóm sẽ làm MC yêu cầu HS dưới lớp lần lượt trả lời các câu hỏi ngắn:  **1.**Nêu xuất xứ của bài thơ *Tiếng đàn mưa.*  2. Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ.  3. Ai là người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ?  (Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ).  4. Bài thơ kể lại cuộc gặp gỡ rồi chia tay giữa ai với ạ?  5. Xác định bố cục của bài thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét phần chuẩn bị sản phẩm học tập, phần dẫn dắt của MC.  - GV chuẩn hoá kiến thức về văn bản.  Mưa Trên Mái Chùa - Thơ: Hoang Phong Diễn ngâm: nghệ sĩ Bảo Cường - Thơ -  THƯ VIỆN HOA SEN  Vùng núi Bắc Bộ cảnh báo mưa giông, lốc sét - Báo Công an Nhân dân điện tử | **2. Bài thơ *Tiếng đàn mưa***  **a. Xuất xứ**  *Tiếng đàn mưa* nằm trong tập thơ *Tinh hoa* (tập hợp các sáng tác của Bích Khê từ năm 1938 đến năm 1944).  **b. Đặc điểm về thể thơ của bài thơ**  \*Thể thơ: Song thất lục bát.  \*Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát được thể hiện qua bài thơ:  - *Số tiếng trong mỗi câu thơ:*  Đan xen cặp câu 7 tiếng (song thất) và cặp câu 6 và 8 tiếng (lục bát).  *- Gieo vần:*  + Vần lưng:  ++ Gieo ở tiếng thứ tư (hoặc tiếng thứ sáu) của câu thơ 8 tiếng (hiệp vần với tiếng cuối của câu thơ 6 tiếng ngay trước nó).  ++ Gieo ở tiếng thứ ba (hoặc thứ năm) của câu thơ 7 tiếng (hiệp vần với tiếng cuối của câu thơ 7 tiếng liền trước nó).  + Vần chân: được gieo ở tiếng cuối của tất cả các câu thơ.  Ví dụ:  *Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn Nước non rả rích giọng đàn mưa* ***xuân****.*  *Lầu mưa xuống, thêm* ***lan*** *mưa xuống Cùng nước non hoa rụng mưa xuân Mưa rơi ngoài nội trên* ***ngàn*** *Nghe trong ý khách giọt* ***đàn*** *mưa rơi.*  => Chữ *lan* (vần *an,* gần âm với vần *uân*) hiệp, vần với chữ *xuân* ở cuối câu thơ liền trước (*Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân.*); chữ *ngàn*(vần *an*) cuối câu 6 tiếng hiệp vần với *đàn* ở chữ thứ sáu của câu thơ 8 tiếng (*Nghe trong ý khách giọt* ***đàn*** *mưa rơi.)*; các vần gieo ở giữa câu thơ là vần lưng (yêu vận): *xuân, lan, ngàn, đàn;* ở cuối câu thơ là vần chân (cước vận).  - *Thanh điệu:* Các thanh bằng (B) - trắc (T) ở một số vị trí tiếng trong câu thơ khớp với sơ đồ thanh điệu đã cung cấp trong SGK.  Ví dụ:  *Rơi hoa kết* ***mưa* (B)** *còn rả* ***rích* (T)** *Càng mưa* ***rơi* (B)** *cánh* ***tịch* (T*)*** *bóng* ***dương* (B)***Bóng* ***dương* (B)** *với* ***khách* (T)** *tha* ***hương***(B) *Mưa* ***trong* (B)** *ý* ***khách* (T)** *muôn* ***hàng* (B)** *lệ* ***rơi* (B)**.  *- Nhịp thơ:* Câu 7 tiếng ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau; hai câu 6, 8 ngắt nhịp theo thể lục bát hoặc có cách ngắt nhịp riêng:  Ví dụ:  *Rơi hoa kết/ mưa còn rả rích Càng mưa rơi/ cánh tịch bóng dương Bóng dương/ với/ khách tha hương Mưa trong ý khách/ muôn hàng lệ rơi.*  **c. Nhân vật trữ tình**  **-** Nhân vật trữ tình là nhân vật “khách tha hương” – một người xa quê nhìn mưa nơi xa mà lòng dâng lên những xúc cảm.  **d. Bố cục:** Hai phần  - Phần 1 (Ba khổ thơ đầu): Cảnh mưa rơi.  - Phần 2 (Khổ thơ cuối): Tâm trạng của khách tha hương. |

**2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu :**

* HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ *Tiếng đàn mưa* như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.
* HS nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.
* HS nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP THẢO LUẬN NHÓM: Giải mã mật thư**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mật thư 1\_ PHT 1.1: Cảnh mưa rơi** | |
| **1.** Tìm các sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa. Nêu đặc điểm chung của những sự vật, hiện tượng đó. | ……………… |
| **2.** Chỉ ra những nơi mưa rơi xuống. Thông qua cảnh mưa rơi, tác giả muốn tái hiện tính chất nào của không gian? | ……………… |
| **3.** Cảnh mưa rơi được miêu tả qua những từ ngữ nào? Chỉ ra những từ ngữ được sử dụng nhiều lần khi miêu tả cảnh mưa rời; nêu tác dụng của việc sử dụng với tần suất cao những từ ngữ ấy. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mật thư 2\_ PHT 1.2: Tâm trạng của khách tha hương** | |
| 1. Chỉ ra nguyên nhân khiến “khách tha hương” rơi lệ ở khổ thơ cuối. | ……………… |
| 2. Chỉ ra mối liên hệ giữa hình ảnh nước non ở ba khổ thơ đầu với nội dung của hai câu thơ cuối:  *Bóng dương với khách tha hương*  *Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.* | ……………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Mật thư 3\_ PHT 1.3: Mạch cảm xúc, ý nghĩa nhan đề, cảm hứng chủ đạo** | |
| 1. Xác định mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ. | ……………… |
| 2. Nêu ý nghĩa nhan đề và chỉ ra cảm hứng chủ đạo của bài thơ. | ……………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** THẢO LUẬN NHÓM**: Giải mã mật thư**  **-** GV chia lớp thành 4 nhóm.  - Thảo luận nhóm, lần lượt hoàn thành các PHT sau:  + Đại diện nhóm lên lấy lần lượt từng mật thư là các PHT của GV. Các thành viên trong nhóm thảo luận để hoàn thiện, đảm bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều nắm được câu trả lời.  + Giải xong mật thư 1, nhóm nộp sản phẩm PHT 01 cho GV để lấy mật thư 2,... Giải xong mật thư 2, nhóm nộp sản phẩm PHT 02 cho GV để lấy mật thư 3.  - 02 nhóm giải xong sớm trước cả 3 mật thư sẽ được thuyết trình.  - Thời gian tối đa giải cả 3 mật thư là: 15 phút  + Mật thư 1: Hoàn thành PHT 1.1  + Mật thư 2: Hoàn thành PHT 1.2  + Mật thư 3: Hoàn thành PHT 1.3  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận theo nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện 02 nhóm giải xong sớm trước lên thuyết trình sản phẩm.  - HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức. | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Phần 1 (Ba khổ thơ đầu): Cảnh mưa rơi**  - Các sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa: *hoa xuân, nước non, bóng dương tà 🡪* Đây đều là những cảnh đẹp, nên thơ, lãng mạn, nhưng đượm buồn.  - Không gian mưa xuân: được khắc họa qua các cụm từ: mưa rơi xuống lầu, xuống thềm lan, ngoài nẻo dặm ngàn, ngoài nội trên ngàn, đầm, nẻo đồi. 🡪 Gợi ra không gian rộng lớn, mênh mông. Mọi nẻo, mọi chốn đều chìm đắm trong màn mưa xuân.  - Các từ ngữ xuất hiện với tần suất cao: *mưa, hoa xuân, nước non, ý khách, bóng dương.*  *+* Hình ảnh hoa xuân rụng trong mưa được nhắc lại nhiều lần gây ấn tượng với người đọc về vẻ đẹp thiên nhiên đang phai tàn, mùa xuân đang dần rời xa, gợi ra nỗi u buồn trong lòng người.  + Phép điệp kết hợp ẩn dụ “bóng dương tà ...rụng bóng tà dương” 🡪 gợi ra hình ảnh bóng mặt trời lúc sắp lặn, như một nét buồn phụ họa với cảnh mưa rơi hoa rụng trong một chiều xuân buồn.  **=> Nhận xét:**  **+** Ba khổ thơ đầu vẽ ra bức tranh đẹp về khung cảnh mưa xuân rơi. Mưa rơi không chỉ là hiện tượng tự nhiên mà còn được nhìn nhận như một cảnh đẹp, lãng mạn, nơi mưa và hoa xuân cùng nhau tạo nên một không gian đẫm chất thơ.  + Không gian đẹp nhưng u buồn man mác, mang nặng nỗi niềm con người. |
| **2. Phần 2 (Khổ thơ cuối): Tâm trạng của khách tha hương**  - Khổ thơ cuối chuyển từ cảnh mưa rơi sang tâm trạng của khách tha hương, nơi “mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi”. Từ cơn mưa vật chất chuyển thành cơn mưa trong tâm hồn, những giọt mưa đồng điệu với nỗi buồn, nỗi nhớ của khách tha hương 🡪 Làm nổi bật tâm trạng u buồn, cô đơn và nỗi nhớ nhà của người xa xứ.  - Câu thơ “Bóng dương với khách tha hương”: thể hiện sự cô đơn, buồn bã của con người và sự lạnh lẽo của không gian vào thời điểm mà chỉ còn “bóng dương” và lữ khách cô độc đang tự chiêm nghiệm, suy tư, đối diện với nỗi niềm lạc lõng của kẻ xa xứ.  - Mối liên hệ giữa hình ảnh nước non ở ba khổ thơ đầu với nội dung hai câu thơ cuối:  + Hình ảnh nước non xuất hiện trong ba khổ thơ đầu là hình ảnh ẩn dụ cho cố hương của nhân vật trữ tình, mở rộng ra là biểu tượng cho quê hương xứ sở.  + Hình ảnh *nước non* được lặp lại ở cả ba khổ thơ đầu như một sợi dây liên kết ba khổ đầu, tạo cho bài thơ một mạch dài miên man cảm xúc. Ở ba khổ đầu, tiếng mưa song hành với *nước non*, gợi nhắc trong nhân vật trữ tình những kí ức về quê hương để đến 2 câu thơ cuối cảm xúc của nhân vật trữ tình như vỡ òa, trào ra thành “hai hàng lệ tuôn”.  🡪 Như vật, hình ảnh *nước non* không chỉ là ngoại cảnh mà còn là tâm cảnh, khiến “ý khách” trào dâng bao nỗi niềm, xúc cảm.  => Cảnh mưa và tâm trạng của khách tha hương hoà quyện vào nhau, tạo nên một thể thống nhất, nơi không gian bên ngoài và thế giới nội tâm gặp gỡ, đồng cảm. |
| **3. Mạch cảm xúc, ý nghĩa nhan đề, cảm hứng chủ đạo**  **\*Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:** Quan sát, nhìn ngắm màn mưa xuân giăng khắp nẻo mọi chốn, nhân vật trữ tình nghe mưa xuân rơi mà ngỡ như nghe tiếng đàn mưa xuân, tưởng đó là lời nước non. Trước cảnh đẹp đẽ, thơ mông nhưng trong lòng nhân vật trữ tình vẫn chất chứa bao nỗi u buồn, trào dâng ra thành dòng lệ. Đó là nỗi nhớ quê, nhớ nhà của người khách tha hương.  **\* Ý nghĩa nhan đề *Tiếng đàn mưa:***  - Tiếng mưa rơi được liên tưởng như bản đàn của thiên nhiên. Thiên nhiên như hòa tấu bản nhạc nên thơ nhưng trầm buồn.  - Tô đậm âm thanh tiếng mưa vào buổi chiều xuân, nhà thơ như muốn nhấn mạnh sự giao cảm giữa con người và thiên nhiên.  **\*Cảm hứng chủ đạo:** Tâm trạng u buồn, sự cô đơn và nỗi nhớ quê hương sâu sắc của kẻ xa xứ. |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS sử dụng kĩ thuật 01 phút để trình bày những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng đàn mưa” (Bích Khê).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT   1. **Đặc sắc nghệ thuật**   - Sử dụng một số biện pháp tu từ đặc sắc: điệp ngữ, ẩn dụ,...  - Sử dụng hệ thống hình ảnh giàu sức gợi. Ví dụ: *mưa hoa, hoa rụng, bóng tà dương*...  - Ngôn ngữ: giàu tính nhạc, phù hợp với việc miêu tả nỗi buồn man mác, sâu lắng**.**  **2. Đặc sắc nội dung**   * Bài thơ tái hiện vẻ đẹp mong manh, tinh tế của bức tranh mưa xuân. * Đồng thời tái hiện tâm trạng u buồn, sự cô đơn và nỗi nhớ quê hương sâu sắc của kẻ xa xứ. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành một số bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Bài tập 1**. HS vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các hình ảnh chính trong bài thơ *Tiếng đàn mưa.*  **Bài tập 2.** Viết đoạn văn (7 – 9 câu) phân tích cảm xúc của nhân vật “khách tha hương” trong bài thơ *Tiếng đàn mưa*.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS làm việc cá nhân.  + BT1: GV gọi 2 HS lên bảng vẽ sơ đồ tư duy ; các HS bên dưới cùng vẽ.  + BT2: GV viết trong thơi gian 07 phút.  - GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | **Bài tập 1**: HS vẽ sơ đồ tư duy bài học.  **Bài tập 2:**  **-** HS viết đoạn văn theo yêu cầu.  - GV cung cấp bảng kiểm đánh giá về đoạn văn của HS (tham khảo phía dưới). |

**Đoạn văn tham khảo:**

*Tiếng đàn mưa* của Bích Khê là thi phẩm đặc sắc bộc lộ nỗi niềm, cảm xúc của một người “khách tha hương” khi ngắm nhìn màn mưa xuân. Đó là tâm trạng u buồn, sự cô đơn và nỗi nhớ quê hương sâu sắc của kẻ xa xứ. Nỗi sầu của nhân vật trữ tình cứ man mác tỏa lan khắp bài thơ, nhưng không gợi cảm xúc nặng nề, bi lụy. Lắng nghe những giọt mưa xuân mang thanh âm của tiếng đàn, tác giả như nghe thấy sự lời rả rích của nước non. Mưa xuân xâm chiếm hết không gian, từ thềm lan, dưới lầu, ngoài nội trên ngàn, rơi xuống đầm, khắp cả nẻo đồi và gieo buồn vào lòng người “mưa trong ý khách”. Trong khoảng không gian rộng lớn ấy, con người trở nên cô đơn, bé nhỏ đến lạ thường. Cơn mưa xuân rơi trong buổi chiều khi ánh tà dương sắp lặn, càng tô đậm hơn vẻ lạnh lẽo của không gian, từ đó càng tăng thêm nỗi cô đơn, buồn bã của lòng người. Từ cơn mưa vật chất chuyển thành cơn mưa trong tâm hồn, những giọt mưa đồng điệu với nỗi buồn, nỗi nhớ của khách tha hương, làm nổi bật tâm trạng u buồn, cô đơn và nỗi nhớ nhà của người xa xứ. Cuối bài thơ, người đọc thấy hiện ra hình ảnh người lữ khách cô độc đang tự chiêm nghiệm, suy tư, đối diện với nỗi niềm lạc lõng của kẻ xa xứ. Bằng thể thơ song thất lục bát, cách ngắt nhịp khá linh hoạt, hình ảnh và ngôn ngữ thơ giàu sức gợi, bài thơ “Tiếng đàn mưa” (Bích Khê) đã thể hiện thật tinh tế nỗi lòng của nhà thơ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**1. Bài tập 1: Chia sẻ**

Yêu cầu:Em có ấn tượng với điều gì nhất ở bài thơ? Vì sao?

**2. Bài tập 2:**

**Nhóm 1: Đọc diễn cảm**

**Yêu cầu:** HS thi đọc diễn cảm bài thơ.

**Nhóm 2: Tập làm họa sĩ**

**Yêu cầu:** HS vẽ tranh minh hoạ nội dung bài thơ hoặc phổ nhạc cho bài thơ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoàn thành các bài tập.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi một vài HS chia sẻ bài tập 1.

- Bài tập 2: GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm học tập. (Nếu không đủ thời gian thì có thể để HS báo cáo vào tiết học buổi chiều hoặc tiết học chuyên đề nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**Gợi ý**

**1. Bài tập 1: HS chia sẻ điều ấn tượng trong văn bản**

- Về nội dung bài thơ: HS có thể chia sẻ ấn tượng về vẻ đẹp của khung cảnh mưa rơi được gợi ra trong bài thơ; hoặc nỗi niềm của nhân vật trữ tình.

- Về nghệ thuật của bài thơ: HS có thể chia sẻ ấn tượng về một tín hiệu thẩm mĩ trong bài thơ (một hình ảnh/ từ ngữ đặc biệt/ một biện pháp tu từ,...).

1. **Bài tập 2:**

RÚT KINH NGHIỆM

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 20: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP THANH VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP VẦN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh và điệp vần.

*2. Phẩm chất*

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS có ý thức vận dụng vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ điệp thanh và điệp vần khi cần thiết phù hợp với mục đích biểu đạt.

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Trò chơi “Thả thơ”**   * GV chiếu một số câu thơ lên bảng đã bị đánh mất một số từ ngữ. Nhiệm vụ của HS là chọn đúng từ điền vào chỗ trống và lí giải lựa chọn của mình. * Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS giơ tay nhanh nhất sẽ giành quyền trả lời.   **Chọn từ thích hợp để “thả” vào chỗ trống trong câu thơ sau:**  1. *Điệu ngã sang bài Mạnh Lệ Quân Thu gồm xa vắng tự muôn đời, Sương nương theo trăng .... Tương tư nâng lòng lên chơi vơi*  (Theo Xuân Diệu, *Nhị hồ*)   1. **ngừng lưng trời** 2. tỏa khắp trời 3. mộng quanh trời   2. *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*  *Một chiếc thuyền câu*  *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*  *Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.*  (*Theo* Nguyễn Khuyến, *Thu điếu*)   1. nổi bồng bềnh 2. **bé tẻo teo**   C. dưới ánh trăng  3. *Từ lúc nghe lời ru của mẹ*  *Cánh cò bay trong*  *Từ lúc nghe truyền thuyết mẹ Âu Cơ*  *Từ lúc tôi còn chập chững tuổi thơ.*  (Theo Huy Tùng, *Việt Nam ơi*)   1. **những giấc mơ** 2. ánh nắng mai 3. giấc mơ xanh   4. *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*  *Gió rừng cao xạc xào lá đổ*  *Gió mù mịt những*  *Những dòng sông ào ạt cánh buồm căng.*  (Theo Lưu Quang Vũ, *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*)   1. cánh đồng lộng gió 2. núi đồi mờ tỏ   C. **con đường bụi đỏ**  5. *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,*  *Tóc buồn buông xuống*  *Đây mùa thu tới - mùa thu tới*  *Với áo mơ phai dệt lá vàng.*  (Theo Xuân Diệu, *Đây mùa thu tới*)  A. **lệ ngàn hàng**  B. sông mênh mang  C. bờ vai nàng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời HS xung phong trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | Đáp án phần “Thả thơ”:  1. A (điệp thanh bằng 2 câu cuối)  2. B (điệp vần *eo*)  3. A (điệp vần *ơ*)  4. C  5. A |

**GV kết nối, dẫn vào bài mới:** Các câu thơ các em vừa “thả thơ” sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc điệp vần để tạo nên ấn tượng về mặt âm thanh và ý nghĩa.Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cách nhận biểt và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh và điệp vần.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a**. **Mục tiêu**: HS nắm được cách nhận biểt và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh và điệp vần.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc mục *Tri thức Ngữ văn*  (tr 40/ SHS) và đọc khung *Nhận biết biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần* trong SGK (tr. 48-49/ SHS), thảo luận cặp đôi để hoàn thành PHT số 01 sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Điệp thanh | Điệp vần | | 1. Là gì? | ... | ... | | 2. Tác dụng | ... | ... | | 3. Cách nhận biết | ... | ... |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  GV khuyến khích HS có thể trình bày câu trả lời bằng sơ đồ..  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  Các cặp khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **I. LÝ THUYẾT**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Điệp thanh** | **Điệp vần** | | 1. Là gì? | Là biện pháp tu từ ngữ âm, tạo nên bằng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc) | Là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những âm tiết có vần giống nhau. | | 2. Tác dụng | Làm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả diễn đạt. | Tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mĩ cho người đọc (người nghe). | | 3. Cách nhận biết | - Điệp thanh có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại một loạt âm tiết có cùng thanh điệu (thanh bằng hoặc thanh trắc).  - Điệp thanh cũng có thể được tạo nên bằng cách sử dụng lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết. | - Điệp vần trong thơ có thể xuất hiện ở vị trí các âm tiết gieo vần: âm tiết cuối cùng của câu thơ (vần chân) hoặc âm tiết nằm ở khoảng giữa câu thơ (vần lưng), tạo tính liên kết, tính nhạc cho câu thơ.  - Điệp vần còn có thể xuất hiện ở những vị trí âm tiết không đóng vai trò gieo vần, tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng nhạc tính để chuyển tải cảm xúc cần biểu đạt trong thơ. | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**

HS nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ điệp âm và điệp vần.

**b. Sản phẩm:** Nội dung trả lời bài tập 1 (SHS/ tr. 49 - 50).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận nhóm trong 05 phút:  + **Nhóm 1, 2**: Bài tập 1  + **Nhóm 3, 4**: Bài tập 2  **Yêu cầu:**  **+ Bài tập 1 (Tr 49/ SGK):** Chỉ ra và nên tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp.  + **Bài tập 2 (Tr 49/ SGK):** Làm rõ tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh được sử dụng trong bài thơ *Tiếng đàn mưa* (Bích Khê).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo yêu cầu.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. THỰC HÀNH**  **1. Bài tập 1 (Tr 49/SHS)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Biện pháp tu từ điệp thanh** | **Tác dụng** | | a | Lặp lại các âm tiết có cùng loại thanh điệu là thanh trắc (các âm tiết dùng thanh trắc: *khóc, nước, mắt, thắt, gọi, chửa, dính, chặt*), đặc biệt là các thanh trắc ở các vị trí gieo vần (*mắt, thắt, chặt*). | Tạo âm hưởng về một cảm xúc đau đớn đang phải cố nén lại. | | b | Lặp lại một loạt âm tiết có cùng loại thanh điệu là thanh bằng. | Tạo âm hưởng về một nỗi niềm (nỗi buồn) nhẹ nhàng, êm dịu. | | c | Sau 3 câu thơ dùng nhiều thanh trắc, miêu tả cảnh thiên nhiên với núi non hùng vĩ, địa hình hiểm trở, câu thơ thứ 4 sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh với một loạt âm tiết có cùng thanh bằng. | Tạo âm hưởng như tiếng thở phào thảnh thơi của người vừa vượt qua chặng đường gian nan, đồng thời gợi hình dung về một khung cảnh rộng mở, bình yên. |   **2. Bài tập 2 (Tr 49/SHS)**  - Có 5 trường hợp điệp thanh theo từng nhóm âm tiết trong cùng một câu thơ:  + *Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng* (bằng - bằng - trắc)  *+ Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan* (bằng - trắc - bằng)  + *Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống* (bằng - bằng - trắc)  + *Đầm mưa xuống, nẻo đồi mưa xuống* (bằng - bằng - trắc)  + *Bóng dương tà ... rụng bóng tà dương* (trắc - bằng - bằng)  - Sự lặp lại thanh điệu theo từng nhóm âm tiết tạo nên tính nhạc cho câu thơ, đồng thời giúp người đọc cảm nhận được sự vật đang ở trong một trạng thái, một xu thế không thay đổi (những giọt mưa đang rơi mau ở khắp chốn/ bóng chiều buông xuống). |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận cặp đôi trong 03 phút để hoàn thành yêu cầu của **bài tập 3 (tr 50/SHS)**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi theo yêu cầu.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số cặp đôi trình bày sản phẩm thảo luận.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Bài tập 3 (tr 50/SHS)**  Trong đoạn thơ, vần *ương* xuất hiện 3 lần:  *Rơi hoa hết mưa còn rả rích*  *Càng mưa rơi càng tịch bóng* ***dương***  *Bóng* ***dương*** *với khách tha* ***hương***  *Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.*  Vần *ương* ngân dài, lặp lại ở hình ảnh “bóng dương” và “khách tha hương” không chỉ tạo nên cảm nhận về một nỗi khắc khoải, day dứt mà còn gây ấn tượng về sự đồng điệu giữa cảnh vật (bóng dương) và con người (khách tha hương). |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS lấy thêm được ví dụ về trường hợp sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần trong tác phẩm văn học, phân tích được tác dụng của phép tu từ điệp thanh, điệp vần trong trường hợp đó.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**HS thảo luận cặp đôi:** Sưu tầm thêm một số bài thơ sử dụng phép điệp thanh, điệp âm. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp thanh/ điệp âm trong một bài thơ cụ thể.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ cá nhân.

- GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**.

- Gọi đại diện một số HS phát biểu

**-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

**Gợi ý đáp án**

**Ví dụ:** Trong đoạn thơ sau, Thâm Tâm sử dụng rất nhiều thanh bằng, có những câu thơ toàn thanh bằng. Tác dụng: Góp phần gợi tả tâm trạng lưu luyến xao xuyến, những rung động buồn, lo... đang dâng lên trong lòng. Có câu thơ toàn thanh bằng gợi tả nỗi niềm mênh mang.

*Đưa người, ta không đưa qua sông,*

*Sao có tiếng sóng ở trong lòng?*

*Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,*

*Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

*Đưa người, ta chỉ đưa người ấy*

*Một giã gia đình, một dửng dưng...*

(Theo Thâm Tâm, trích *Tống biệt hành)*

RÚT KINH NGHIỆM

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 21,22**

**VĂN BẢN 3: MỘT THỂ THƠ ĐỘC ĐÁO CỦA NGƯỜI VIỆT**

(*Dương Lâm An*)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được các đặc điểm của văn bản thông tin

- HS nhận biết và phân tích được sự phối hợp các cách triển khai VB thông tin được thể hiện trong VB.

- Liên hệ, kết nối với văn bản *“Buổi tiễn đưa” và “Tiếng đàn mưa”* để hiểu hơn về chủ điểmbài học 2 *Những cung bậc tâm trạng;* nắm vững hơn những kiến thức về thể thơ song thất lục bát trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam.

*2. Phẩm chất*

Trân trọng những sáng tạo của cha ông ta thuở trước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Trò chơi “Vòng quay văn học”**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Vòng quay văn học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

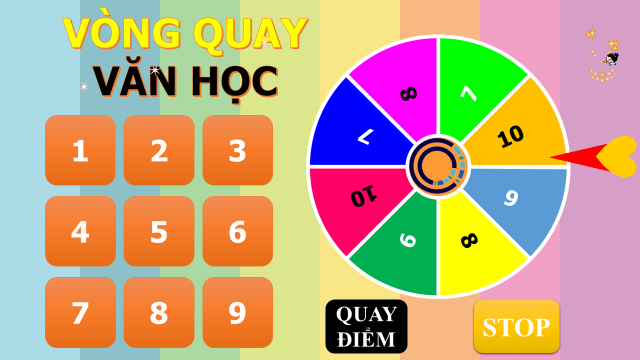
**Bước 1:** GV phổ biến luật chơi:

- GV mời 2 HS lên tham gia trò chơi.

- Có 9 ô câu hỏi và 1 vòng quay may mắn.Trong đó 8 ô chứa câu hỏi và 1 ô may mắn (không cần trả lời câu hỏi mà sẽ tham gia luôn quay vòng quay may mắn và nhận điểm)

- HS lần lượt chọn câu hỏi, trả lời đúng sẽ được tham gia quay vòng quay may mắn, quay vào số điểm nào, người chơi sẽ nhận được điểm số đó; nếu trả lời sai, quyền trả lời thuộc về người chơi còn lại. Nếu người chơi còn lại trả lời đúng sẽ được tham gia quay vòng quay may mắn và nhận điểm.

- Cứ như vậy sau khi trả lời hết câu hỏi, người chơi nào nhiều điểm hơn thì sẽ giành chiến thắng



**Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS đứng vào vị trí GV hướng dẫn để tham gia trò chơi.

**Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 4.** GV công bố kết quả.

**Hệ thống câu hỏi “Vòng quay văn học”:**

**Câu 1.** Song thất lục bát là thể thơ có nguồn gốc từ đâu?

1. Pháp
2. **Việt Nam**
3. Trung Quốc
4. Nhật Bản

**Câu 2.** Dòng nào sau đây **không phải** là đặc điểm của thể thơ song thất lục bát?

1. **Sử dụng yếu tố văn hoá phương Tây**
2. Có thể chia khổ hoặc không
3. Số câu trong mỗi khổ thơ không cố định

D. Có hiện tượng biến thể về cấu trúc

**Câu 3.** Đâu là biến thể được sử dụng phổ biến trong thơ song thất lục bát?

A. Mỗi khổ thơ chỉ gồm một cặp câu

B. Mở đầu bài thơ bằng cặp song thất

**C. Mở đầu bài thơ bằng cặp lục bát**

D. Kết thúc mỗi khổ thơ là cặp lục bát

**Câu 4.** Dòng nào nêu đúng đặc điểm về gieo vần của thể thơ song thất lục bát?

A. Chỉ gieo vần lưng

B. Chỉ gieo vần chân

**C. Gieo cả vần chân và vần lưng**

D. Không gieo vần

**Câu 5.** Vần chân trong thơ song thất lục bát được gieo ở đâu?

A. Tiếng thứ ba của mỗi câu thơ

**B. Tiếng cuối của mỗi câu thơ**

C. Tiếng đầu của mỗi câu thơ

D. Tiếng thứ năm của mỗi câu thơ

**Câu 6.** Việc sử dụng vần lưng trong thơ song thất lục bát có tác dụng gì?

**A. Tạo nhạc điệu cho bài thơ cũng như sự hoà điệu giữa các câu thơ**

B. Phân biệt rõ ràng với các thể thơ truyền thống khác của Việt Nam

C. Tăng vẻ đẹp hình thức, giúp câu thơ trở nên cân đối hơn

D. Làm cho bài thơ dễ thuộc và truyền bá rộng rãi hơn

**Câu 7.** Thanh điệu của thể thơ song thất lục bát có đặc điểm gì?

A. Hoàn toàn tự do, không theo quy định cụ thể nào

**B. Gieo thanh điệu bằng (B) – trắc (T) ở một số vị trí cố định trong câu thơ**

C. Gieo thanh điệu (B) – trắc (T) giống hoàn toàn với thể thơ lục bát

D. Chỉ gieo thanh điệu bằng (B) – trắc (T) ở một số vị trí cố định trong cặp câu song thất

**Câu 8.** Thể thơ song thất lục bát thường ngắt nhịp như thế nào?

A. Nhịp 4/3

B. Nhịp 3/4

**C. Nhịp 3/4 và 2/2/2**

D. Nhịp 2/2/2

**=> Đáp án các câu hỏi trắc nghiệm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | B | A | C | C | B | A | B | C |

**GV dẫn vào bài mới**:

Các em thân mến! Thể thơ song thất lục bát là thể một sáng tạo văn học độc đáo của người Việt. Ngay từ khi ra đời từ khoảng thế kỉ XV – XVI, thể thơ này đã thể hiện những ưu thế của nó trong việc diễn tả những cung bậc tâm trạng của con người.

Tiết học hôm nay, cô và các em sẽ cùng nhau tìm hiểu kĩ hơn thể thơ này trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam qua văn bản thông tin ở VB3, từ đó thêm trân trọng những sáng tạo của cha ông ta thuở trước.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Đọc – khám phá chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS đọc và tìm hiểu chung về văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: đọc rõ ràng, giọng đọc khách quan. Chú ý tên các tác phẩm văn học, các mốc thời gian.  - GV gọi một HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích chân trạng và giải thích một số từ khó.  - **Thảo luận cặp đôi**: Hãy xác định:  + Tên tác giả, xuất xứ của văn bản  + Thể loại của VB  + Khái quát nội dung chính của VB  + Xác định bố cục của VB  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các HS khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn kiến thức. | I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả**: Dương Lâm An  **3. Văn bản “Một thể thơ độc đáo của người Việt”**  - **Xuất xứ của VB**: thuộc tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, tháng 9/2023.  - **Thể loại**: VB thông tin  - **Khái quát nội dung chính**: Tính sáng tạo và sự độc đáo của thể thơ song thất lục bát trong nền văn học Việt Nam.  **- Bố cục VB**: 03 phần:  + ***Phần 1*** (Câu mở đầu): giới thiệu tổng quan về thể thơ STLB  + ***Phần 2*** (Những tác phẩm đầu tiền...Đã nghe đất chuyển thành con sông dài): trình bày thông tin về lịch sử ra đời và các tác phẩm tiêu biểu viết theo thể STLB  + ***Phần ba*** (Còn lại): Giá trị của thể thơ STLB đối với đời sống văn hoá và thi ca. |

**2.2. Hoạt động 2.2: Hướng dẫn HS đọc kết nối chủ đề bài học**

**a. Mục tiêu:**

Tập trung khai thác sự kết nối của văn bản “Một thể thơ độc đáo của người Việt” với chủ điểm của bài học 2; làm rõ được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản*.*

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHT số 01: Tìm hiểu về đặc điểm của thể thơ song thất lục bát** | |
| 1. Nguồn gốc và thời điểm ra đời | **.**.................................................................................................... |
| 2. Điểm tương đồng và khác biệt giữa thể thơ STLB và thể thơ lục bát | .................................................................................................... |
| 3. Đặc điểm hình thức giúp thể thơ STLB giàu nhạc tính | ....................................................................................................  .................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHT số 02: Tìm hiểu về vị trí của thể thơ song thất lục bát trong**  **tiến trình văn học dân tộc** | |
| 1. Đóng góp cho VH thời kì trung đại | **.**.................................................................................................... |
| 2. Đóng góp cho VH thời kì hiện đại | .................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn.  Chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong thời gian 07 phút để hoàn thành **PHT số 01, PHT số 02.**  **+ Nhóm 1, 2: PHT số 01**  **+ Nhóm 3,4: PHT số 02**  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận trong thời gian 05 phút.  - GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận.  - Các HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức | II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN  **1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát**  **a. Nguồn gốc và thời điểm ra đời:**  - Thể thơ song thất lục bát là một sáng tạo văn học độc đáo của người Việt, xuất hiện khoảng thế kỉ XV - XVI.  **-** Hai tác phẩm đầu tiên được nhắc đến là *Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa* và *Đại nghĩ bát giáp thưởng đào giải văn* của Lê Đức Mao. Những tác phẩm này không chỉ là những ví dụ đầu tiên về thể thơ song thất lục bát mà còn cho thấy sự phát triển của thể thơ lục bát.  **b. Điểm tương đồng và khác biệt giữa thể thơ STLB và thể thơ lục bát**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Thể STLB** | **Thể thơ lục bát** | | **Tương đồng** | Giống nhau ở quy luật dùng thanh điệu và cách gieo vần ở cặp câu lục bát:   + Thanh điệu được cố định ở câu lục (các vị trí tiếng thứ 2,4,6) là bằng - trắc - bằng, thanh điệu được cố định ở câu bát (vị trí tiếng thứ 2,4,6,8) là bằng - trắc - bằng - bằng.  + Vần chân được gieo ở cả hai câu, vần lưng được gieo ở tiếng thứ 6 (hoặc tiếng thứ 4) của câu bát. | | | **Khác biệt** | Khác biệt nằm ở cặp song thất | | | Có thêm cặp song thất:  - Về thanh điệu: Chú trọng quy chuẩn thanh điệu của các tiếng ở vị trí lẻ trong câu thơ.  - Về vần: mỗi câu thất đều có cả vần chân và vần lưng. Cứ 28 tiếng sẽ có bảy tiếng gieo vần. | Không có cặp song thất. |   **=> Như vậy,** thể thơ STLB có đặc trưng riêng trong quy luật dùng thanh điệu và cách gieo vần ở cặp câu lục bát, cũng như sự phối hợp giữa cặp câu thất và cặp câu lục bát.  **1.3. Đặc điểm hình thức giúp thể thơ STLB giàu nhạc tính**  - Những câu thơ dài và ngắn đan xen.  - Mật độ tiếng gieo vần lớn (trung bình mỗi bốn tiếng có một tiếng gieo vần).  - Những câu thơ song thất lục bát luôn phối hợp hài hòa với nhau.  **2. Vị trí của thể thơ song thất lục bát trong tiến trình văn học Việt Nam**   * Thể thơ song thất lục bát ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá và thi ca. Điều này thể hiện qua việc nhiều nhà thơ từ thế kỉ XVIII - XIX đến đầu thế kỉ XX tiếp tục sử dụng thể thơ này trong sáng tác. * Thể thơ STLB đã phát huy giá trị trong thể loại ngâm khúc và nhiều thể loại văn học khác như ca trù, văn tế.   - Mặc dù ngày nay, thể thơ song thất lục bát không còn phổ biến như trước, nhưng vẫn được một số nhà thơ hiện đại sử dụng như là một cách để kết nối với quá khứ và truyền tải những tâm trạng, cảm xúc mới mẻ. Điều này cho thấy thơ song thất lục bát vẫn có sức sống trong thi ca hiện đại, góp phần làm phong phú thêm văn học Việt Nam. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  Trao đổi cặp đôi: *Nhận xét cách trình bày thông tin trong văn bản (cách tổ chức các phần và ý chính trong mỗi phần)*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi trong thời gian 03 phút.  - GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp đôi báo cáo sản phẩm thảo luận.  - Các HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **3. Cách trình bày thông tin của VB**   * VB được tổ chức một cách lô-gíc và mạch lạc, bắt đầu từ giới thiệu tổng quan về thể thơ song thất lục bát, sau đó là lịch sử và các tác phẩm tiêu biểu, cuối cùng là ảnh hưởng và giá trị của thể thơ đối với đời sống văn hoá và thi ca. * VB trình bày thông tin theo trật tự thời gian, bắt đầu từ thời điểm ra đời tới những mốc phát triển sau này của thể thơ. |

**2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết**

**a. Mục đích:**HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:**HS hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:**HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** HS trao đổi theo cặp trong bàn:  VB *Một thể thơ độc đáo của người Việt* đã cung cấp cho em những thông tin gì? VB này có sự khác biệt như thế nào về thể loại và nội dung so với hai VB đọc trước đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hoạt động thảo luận theo cặp.  GV quan sát, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ.  Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. | III. TỔNG KẾT  **1. Đặc sắc nội dung**  VB *Một thể thơ độc đáo của người Việt* cung cấp một số thông tin mở rộng về thể thơ song thất lục bát (nguồn gốc, đặc điểm, quá trình phát triển và ảnh hưởng của thể thơ trong tiến trình thơ ca hiện đại).  **2.** **Đặc sắc nghệ thuật**  - Hệ thống thông tin được triển khai phong phú, bao gồm cả tri thức về văn học và văn hoá, lịch sử,...  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Thực hành một số bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Kĩ thuật Think – pair – share**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Trình bày suy nghĩ của em về nhận định của tác giả đối với thể thơ song thất lục bát: “Đó thực sự là một thể thơ đặc sắc mà người Việt đã sáng tạo nên để có thể gửi gắm vào trong đó tâm hồn sâu lắng của mình”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ cá nhân, sau đó thảo luận theo cặp.  - GV động viên, khích lệ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 số HS trình bày suy nghĩ của bản thân trước tập thể lớp.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chuẩn kiến thức. | HS bày tỏ suy nghĩ về nhận định của tác giả đối với thể thơ song thất lục bát.  - Đó là nhận định đúng đắn, sâu sắc đã khẳng định được giá trị và những đóng góp quan trọng của thể thơ STLB đối với đời sống văn hóa và thi ca dân tộc ta.  - HS có thể đưa ra một số lí lẽ để thể hiện sự đồng tình với nhận định của tác giả:  + Đây là thể thơ có nguồn gốc dân tộc  + Thể thơ STLB có cách ngắt nhịp, gieo vần, thanh điệu vô cùng hài hòa, giàu tính nhạc; do đó có lợi thế trong truyền tải cảm xúc, tâm hồn sâu lắng của người viết về quê hương, đất nước, con người.  + Cũng chính bởi do được người Việt tạo ra mà thể thơ này mang đậm bản sắc, cốt cách, tâm hồn của dân tộc ta. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS làm bài tập sáng tạo

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:**

**-** Em hãy sưu tầm 3 tác phẩm thơ song thất lục bát (ngoài những VB đã được học trong bài học 2).

**-** Ghi lại nhật kí đọc tác phẩm theo mẫu thẻ sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **THẺ ĐỌC SÁCH** | |
| **Thông tin chung** | **Ấn tượng về tác phẩm** |
| 1. Tên tác giả.............  2. Tên tác phẩm...........  3.Những câu thơ yêu thích trong tác phẩm................ | 1. Cảm nhận về nội dung tác phẩm...............  2. Cảm nhận về hình thức nghệ thuật của tác phẩm................ |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIÊM

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 23,24,25**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**(THƠ SONG THẤT LỤC BÁT)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được kiểu văn bản phân tích một tác phẩm văn học.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát): phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

*2. Phẩm chất*

- Trân trọng những sáng tác của người xưa.

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu**:  - *Đọc một bài thơ song thất lục bát mà em đã sưu tầm được theo yêu cầu của GV tiết học trước.*  *- Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.*  - *Nhắc lại các yêu cầu phân tích một bài thơ mà em đã được luyện viết trong chương trình ngữ văn 8 bộ KNTT.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận** | \*HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân:  - HS đọc một trong các bài thơ STLB đã sưu tầm, lưu trong nhật kí đọc sách.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác về một bài thơ STLB đó.  \*Nhắc lại các yêu cầu phân tích một bài thơ:  **- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,..); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.**  **- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.**  **- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,…)**  **- Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.** |

**GV dẫn vào bài học:** Ở chương trình Ngữ văn 8, các em đã học và thực hành viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật, phân tích một bài thơ trào phúng. Tiết học hôm nay cô trò ta tiếp tục tìm hiểu cách viết bài văn phân tích một bài thơ song thất lục bát.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một bài thơ song thất lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Theo dõi mục SGK, trả lời các câu hỏi sau:**  *-Theo em, bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gỉ?*  *- Nêu bố cục chung của bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát cách hoàn thành mẫu sau:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mở bài** | … | | | **Thân bài** | Luận điểm 1 | … | | Luận điểm 2 | … | | **Kết bài** | … | |     **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi một số HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I. LÝ THUYẾT**  **1. Yêu cầu của kiểu bài**  - **Giới thiệu khái quát** về tác phẩm thơ song thất lục bát (tên tác phẩm, tên tác giả), nêu được **nhận định chung** của người viết về tác phẩm.  - Làm rõ được **nội dung chủ đề** tác phẩm.  - Phân tích được những nét đặc sắc về **hình thức nghệ thuật** của tác phẩm, tập trung vào **những yếu tố đặc trưng** của thể thơ song thất lục bát và **tác dụng** của thể thơ này trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm.  - Triển khai được **hệ thống luận điểm** chặt chẽ; sử dụng **lí lẽ**, **bằng chứng** xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  - Khẳng định được **ý nghĩa, giá trị** của tác phẩm. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý các thẻ chỉ dẫn để xác định bố cục.  - HS thảo luận theo bàn, hoàn thành  **Phiếu học tập 01 sau:**   |  | | --- | | **PHIẾU HT 01:** **Phân tích bài viết tham khảo** | | *- Chỉ ra bố cục của bài viết tham khảo.*  *- Phần Mở bài nêu những nội dung gì?*  - *Phần Thân bài triển khai như thế nào?*  - *Phần Kết bài khẳng định điểu gì?* |   **-** Theo em, bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát) không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS thảo luận trong bàn.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số bàn phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **\*Bài viết tham khảo: *Hồn tôi vang tiếng trống trường***  **\*Mở bài:** Đoạn văn mở đầu:  + Giới thiệu tác giả Hồ Dzếnh và tên bài thơ “Trưa vắng”  + Nêu nhận định chung về tác phẩm: *Bài thơ “Trưa vắng” in trong tập thơ “Quê ngoại” (1942) là một sáng tác tiêu biểu cho giọng thơ, hồn thơ của thi sĩ.*  **\*Thân bài:**  **-** Phân tích để làm rõ nội dung chủ đề của bài thơ;  - Phân tích các biện pháp nghệ thuật được sử dụng để thể hiện nội dung chủ đề;  🡪 Người viết phân tích lần lượt cả nội dung và nghệ thuật các phần theo bố cục của bài thơ.  - Liên hệ, mở rộng.  **\*Kết bài:** Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ.  **🡺** Bài viết tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát) |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**:

+ HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

+ Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 02: PHIẾU TÌM Ý**  **Phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát** | |
| **\*Thông tin cơ bản về tác giả** | **…** |
| **\*Tìm hiểu về bài thơ:** | **…** |
| 1. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ | **…** |
| 2. Bố cục của bài thơ, nội dung chính từng phần | **…** |
| 3. Nội dung chính của bài thơ:  *-* Ai là người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ?  *-* Những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm. | **…** |
| 4. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:Các yếu tố nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để truyền tải nội dung chủ đề. | **…** |
| 5. Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1:** TRƯỚC KHI VIẾT  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn bài thơ sẽ phân tích:**  HS trả lời các câu hỏi sau:  *1. Bài viết của em nhằm mục đích gì và em hướng tới người đọc sẽ là ai?*  *2. Kể tên một số tác phẩm thwo STLB mà em đã học hoặc đã đọc*.  *Em sẽ chọn bài thơ STLB nào để phân tích?*  \***GV hướng dẫn HS tìm ý:**  Trên cơ sở bài thơ đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo **Phiếu HT số 2.**  **\*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**  - HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết theo hướng dẫn SGK/ Tr.58  HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm.  - GV yêu cầu HS trao đổi về dàn ý theo nhóm nhỏ và mời một số HS trình bày dàn ý.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - GV gọi 1 số HS trình bày dàn ý trước lớp..  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | II. LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC  **Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát**  1. TRƯỚC KHI VIẾT  **\*Xác định mục đích viết:** Làm rõ nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ song thất lục bát.  **\*Người đọc:** Những người quan tâm và có nhu cầu hiểu biết về thể thơ STLB và bài thơ được phân tích.  **a. Lựa chọn đề tài**  - Liệt kê một số bài thơ STLB đã học hoặc đã đọc:  + *Ai tư vãn* (Công chúa Ngọc Hân)  + Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến)  + Hai chữ nước nhà (Trần Tuấn Khải)  + Đêm khuya tự tình với sông Hương (Hàn Mặc Tử)  + Tiếng đàn mưa (Bích Khê),…  - Lựa chọn một bài thơ bản thân cảm thấy thú vị, có nhiều xúc cảm để phân tích.  **b. Tìm ý**  **-** Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan để viết phần Mở bài và liên hệ, mở rộng khi phân tích.  - Xác định bố cục của tác phẩm và nội dung chính của từng phần.  - Xác định những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm.  - Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để truyền tải nội dung chủ đề như đặc điểm của thể thơ song thất lục bát (vần, nhịp,…), từ ngữ (đặc biệt là các từ ngữ chỉ xúc cảm, trong đó có cả từ tượng thanh, từ tượng hình,…), biện pháp tu từ (điệp thanh, điệp vần, so sánh, ẩn dụ),…  **c. Lập dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | **Mở bài** | Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhan đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm. | | **Thân bài** | Lần lượt phân tích các phần theo bố cục tác phẩm thơ:  + Phần 1 (từ câu…đến câu…): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,…và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.  + Phần 2 (từ câu…đến câu…): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,…và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.  +… | | **Kết bài** | Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ. | |
| Thao tác 2: VIẾT BÀI  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK/ Tr.59 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  \*Trong thời gian ngắn trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS viết phần mở bài, 01 luận điểm của Thân bài để đọc và rút kinh nghiệm luôn trên lớp. Sau đó, GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo. | 2. VIẾT BÀI  **-** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  - Lưu ý từng phần:  + Phần *Mở bài* và phần *Kết bài:* mỗi phần viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.  + Phần *Thân bài:*  ++ Lựa chọn kiểu tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp) cho phù hợp với từng ý triển khai trong Thân bài.  ++ Khi viết, luôn chú ý liền kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong bài.  ++ Chú ý kết hợp nhuần nhuyễn giữa sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong khi triển khai các ý của phần *Thân bài* để đảm bảo tính thuyết phục của một bài văn nghị luận.  ++ Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ (chú ý làm rõ các đặc điểm của thể thơ STLB). Sử dụng có hiệu quả các thông tin ngoài tác phẩm (nếu có) giúp cho việc phân tích các giá trị của tác phẩm được rõ ràng, nổi bật hơn. |
| **Thao tác 3:** CHỈNH SỬA VÀ HOÀN THIỆN  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. HS căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn. (Bảng kiểm bên dưới)  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **3. CHỈNH SỬA VÀ HOÀN THIỆN**  Tập trung vào một số nội dung sau:  -  Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo lô-gic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.  - Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nôi dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.  - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích một tác phẩm thơ STLB khác.

**b.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một tác phẩm thơ STLB khác.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích một tác phẩm thơ STLB khác.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

- HS lập danh sách những trích dẫn hay từ bài viết của mình hoặc của các bạn khác trong lớp để lưu vào hồ sơ viết.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

|  |
| --- |
| **Tiết 26 NÓI VÀ NGHE:**  **THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI (ĐƯỢC GỢI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC)** |

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- HS biết xác định vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi có ý nghĩa từ tác phẩm văn học.

- HS nêu được ý kiến thảo luận về vấn đề.

- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

*2. Phẩm chất*

- Tự tin trình bày ý kiến của bản thân về vần đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

- Biết lắng nghe ý kiến của bạn.

- Có ý thức vận dụng vấn đề vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chia lớp thành 3 nhóm lớn.  - Có 03 thẻ màu, đằng sau mỗi thẻ màu ghi tên một tác phẩm văn học đã học (thuộc bài 1, 2):  + Thẻ 1: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  + Thẻ 2: *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)  + Thẻ 3: *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)  **- Nhiệm vụ HS:** GV sử dụng chiến thuật công não yêu cầu HS mỗi nhóm sau khi bốc thẻ màu, sẽ dựa vào các kiến thức đã học về tác phẩm, trong vòng 2 phút, đọc to các vấn đề/hiện tượng đời sống đáng quan tâm được gợi ra từ tác phẩm đó..  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận nhanh trong nhóm để thực hiện yêu cầu. * GV động viên, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời đại diện.  - Các HS khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | - **Thẻ 1**: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  + Số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến  + Hậu quả của chiến tranh phong kiến phi nghĩa  + Hậu quả của thói ghen tuông mù quáng trong tình yêu  - **Thẻ 2:** *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)  + Tác hại của thói vô lối, tuỳ tiện của những kẻ cầm quyền  + Số phận mong manh, bất trắc, phúc hoạ khôn lường của những người dân dưới chế độ phong kiến  - **Thẻ 3**: *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)  + Khát vọng tình yêu, khát vọng hạnh phúc lứa đôi của con người  + Hậu quả của chiến tranh phong kiến phi nghĩa  ... |

**GV dẫn vào nội dung bài học:**

Văn học thường gợi ra cho chúng ta những suy tư sâu sắc về cuộc đời và con người. Trước một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học, mỗi người có thể có những ý kiến khác nhau. Tham gia thảo luận nhóm sẽ giúp các em cải thiện kĩ năng nói trước đám đông và phát triển tư duy phản biện.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được nội dung thảo luận và các lưu ý khi thảo luận

**b. Nội dung**: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | SẢN PHẨM |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là thảo luận về một vấn đề đáng được quan tâm trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học?*  *+ Để tham gia thảo luận về một vấn đề đáng được quan tâm trong đời sống còn có những ý kiến khác nhau, các em cần chú ý những gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **Tìm hiểu chung về thảo luận về một vấn đề đáng được quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (đặt ra từ tác phẩm văn học)**  **1.**  Thảo luận về một vấn đề đáng được quan tâm trong đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học là cùng chia sẻ, trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề được nêu ra; đồng thời, lắng nghe, trao đổi lại với ý kiến của người khác để đi đến hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn về vấn đề đó.  **2. Yêu cầu chung:** Để tham gia thảo luận về một vấn đề đáng được quan tâm trong đời sốngđược gợi ra từ tác phẩm văn học đã học, các em cần:  - Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận, đảm bảo quy định về thời gian, tuân thủ sự điều hành của người chủ trì.   * Tham gia đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện. * Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. * Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó |

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

**a) Mục tiêu:**

**-** Biết thảo luận để đi đến hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn về một vấn đề đáng được quan tâm trong đời sốngphù hợp với lứa tuổi được gợi ra từ tác phẩm văn học.

- HS biết cách phân công nhiệm vụ trong nhóm, các thành viên chuẩn bị các nội dung thảo luận, hiểu được mục tiêu buổi thảo luận.

- Luyện kĩ năng nói và làm việc nhóm cho từng HS .

- Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.

**b)** **Nội dung:**

- GV phân chia HS thành nhóm nhỏ.

- Nhóm trưởng điều khiển buổi thảo luận, đảm bảo từng thành viên đều được phát biểu ý kiến cá nhân về vấn đề được nêu ra.

- Thư kí cần ghi chép nội dung cuộc thảo luận.

- Các thành viên trong tổ lắng nghe và phản hồi, ghi chép lại ý kiến của bạn mình.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm thảo luận nhóm do thư kí ghi chép.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Vấn đề thảo luận:**: Từ các văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm), em hãy nêu suy nghĩ và thảo luận với các bạn về khát vọng hạnh phúc của con người.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: TRƯỚC KHI THẢO LUẬN** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV phân chia nhóm và yêu cầu các nhóm:  - GV chia lớp thành 04 nhóm.  - Các nhóm ngồi theo vị trí, cử ra nhóm trưởng, thư kí và phân công công việc cho các thành viên (có biên bản ghi lại).  + Thống nhất mục đích thảo luận và thời gian thảo luận.  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận: GV gợi dẫn HS đưa ra ý kiến cá nhân bằng cách trả lời các câu hỏi:  *+ Khát vọng hạnh phúc của con người được thể hiện như thế nào trong các tác phẩm văn học “Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ), “Chinh phụ ngâm” (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)*? (biểu hiện, ý nghĩa)  *++ Suy nghĩ về khát vọng hạnh phúc của con người nói chung* (biểu hiện, ý nghĩa)  *++ Em rút ra bài học gì về nhận thức và hành động qua tìm hiểu vấn đề nghị luận*?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện yêu cầu của GV.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\*Mục đích thảo luận:**  + Các thành viên đưa ra các ý kiến riêng, trao đổi với nhau để có cái nhìn đúng đắn, sâu sắc và toàn diện về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua một số tác phẩm văn học đã học.  + Tăng cường sự hiểu biết giữa các thành viên.  \*Người nghe: Các thành viên tham gia thảo luận và những người tham dự buổi thảo luận.  \***Thời gian:**  + Mỗi thành viên suy nghĩ, chuẩn bị cho phần trình bày ý kiến riêng của mình trong thời gian tối đa 2 phút (dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học ở nhà).  + Nhóm trưởng điều hành thảo luận, trao đổi trong thời gian 10 phút.  + Thư kí ghi chép những ý kiến của các thành viên, thống nhất những hiểu biết toàn diện về vấn đề thảo luận.  **\*Chuẩn bị nội dung thảo luận:**   * Xem lại các tác phẩm văn học, tìm hiểu các tài liệu tham khảo liên quan vấn đề thảo luận. * Tìm ý cho bài thảo luận:  |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi thảo luận** | **Ý kiến của tôi** | | *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm),  (biểu hiện, ý nghĩa) | … | | *Suy nghĩ về khát vọng hạnh phúc của con người nói chung* (  (biểu hiện, ý nghĩa) | … | | *Em rút ra bài học gì về nhận thức và hành động qua tìm hiểu vấn đề nghị luận*? | … | |
| **Bước 2: THỰC HÀNH THẢO LUẬN** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo Kĩ thuật **Khăn trải bàn:**  + Sau khi các thành viên ghi ra Phiếu học tập các ý kiến cá nhân (ở bước Chuẩn bị thảo luận), nhóm trưởng điều hành lần lượt các thành viên thuyết trình ý kiến cá nhân từng thành viên.  + Các thành viên lắng nghe, ghi chép ý kiến của bạn và có sự phản hồi theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý kiến của bạn** | **Những điều tôi muốn trao đổi với bạn** | **Những điều bạn trao đổi lại với tôi** | | Ghi ngắn gọn ý kiến (lí lẽ, dẫn chứng) | Ghi ngắn gọn những ý định trao đổi bằng cách tự hỏi: *Điều gì tôi muốn bạn làm rõ hơn? Điều gì tôi không đồng ý với bạn?* | Ghi ngắn gọn các lí lẽ, dẫn chứng mà bạn phản hồi ý kiến của mình |   + Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên.  + Nhóm thống nhất các ý kiến đánh giá chung.  Thư kí đọc tóm tắt những ý kiến trong buổi thảo luận để nhóm đưa ra đánh giá cuối cùng về vấn đề thảo luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm tiến hành thảo luận và thống nhất ý kiến đánh giá chung về vấn đề thảo luận, hoàn thiện sản phẩm học tập ra giấy A0.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV thu sản phẩm thảo luận các nhóm, biên bản của thư kí các nhóm.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ các nhóm, cho điểm.** | Các nhóm tiến hành thảo luận, báo cáo sản phẩm thảo luận theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  10 kĩ thuật dạy học tích cực theo chương trình giáo dục mới - Dạy học online  - Mục đích của cuộc thảo luận: Đưa ra đánh giá đầy đủ, toàn diện về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.  - Người chủ trì điều phối việc phát biểu ý kiến của các thành viên tham gia thảo luận.  - Người phát biểu cần tập trung vào trọng tâm của vấn đề và thể hiện rõ quan điểm của cá nhân. Các thành viên còn lại theo dõi để nắm được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung đó (nếu được yêu cầu). Các khía cạnh của vấn đề phải được thảo luận thấu đáo, bàn luận từ nhiều góc nhìn khác nhau, có liên hệ với các chi tiết, nhân vật, vấn đề được đặt ra trong tác phẩm văn học được chọn. Người phát biểu sau cần nắm rõ ý kiến của người phát biểu trước đó, thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến ấy.   * Người chủ trì theo dõi, tổng hợp các ý kiến để đưa ra kết luận. Có thể khẳng định những điểm đồng thuận của các ý kiến hoặc những khía cạnh còn tồn tại các quan điểm khác nhau. |
| **Bước 3: BÁO CÁO SẢN PHẨM THẢO LUẬN – TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **\*Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Rút kinh nghiệm về bài nói** | | | + Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | + Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | + Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | * **Đánh giá chung:** | | | + Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? |  | | + Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  | | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Kiểm tra kết quả nghe:** | | | + Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | + Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học? |  | | * **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:** | | | + Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  | | + Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  | |  | \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:** | |  | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  - GV gọi đại diện 01 nhóm lên trình bày sản phẩm học tập.  - HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến; đánh giá sản phẩm thảo luận của nhóm bạn theo bảng kiểm kĩ năng nói và bảng tự kiểm kĩ năng nghe theo mẫu ở trên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện 01 nhóm báo cáo sản phẩm đã thảo luận.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | HS hoàn thiện 2 bảng kiểm về đánh giá kĩ năng nói của đại diện nhóm bạn và tự kiểm tra kĩ năng nghe của bản thân. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu**: Tạo một video clip ngắn (từ 5 - 7 phút) phỏng vấn một số người bạn của em để thu thập thêm những ý kiến khác nhau về một vấn đề xã hội mà em quan tâm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC Ở NHÀ

**1. GV hướng dẫn HS phần Củng cố, mở rộng bài học 2**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1.1. Bài tập 1 (SHS/ Tr 61):** Những nỗi niềm xúc cảm của người chinh phụ (Chinh phụ ngâm) và khách tha hương (Tiếng đàn mưa) có điểm chung nào không? Vì sao?

**Gợi ý**

Những điểm chung trong tâm trạng của người chinh phu (*Chinh phụ ngâm*) và khách tha hương (*Tiếng đàn mưa*):

* Về tính chất: đều đượm buồn.
* Về nguyên nhân: đều phải xa đối tượng mình yêu quý (người chinh phụ phải xa người chinh phu; người khách tha hương không được đứng trên mảnh đất quê hương mình). => Điểm chung đó cho thấy giá trị của những điều con người trân quý trong cuộc sống; nếu để lỡ mất những giá trị trân quý đó, con người ta có thể bị rơi vào tâm trạng buồn.

**1.2. Bài tập 1 (SHS/ Tr 61):** Điều gì khiến thể thơ song thất lục bát có thế mạnh khi thể hiện những nỗi niềm, xúc cảm, những khát vọng riêng tư của con người?

**Gợi ý**

Thế mạnh của thể thơ song thất lục bát trong việc thể hiện nỗi niềm và xúc cảm riêng tư của con người: Sự kết hợp giữa thất ngôn và lục bát trong cùng một bài thơ tạo nên sự uyển chuyển, mềm mại, phù hợp để miêu tả những nỗi niềm tinh tế và sâu lắng của con người.

**1.3. Bài tập 3 (SHS/ Tr 61):** Tìm đọc một tác phẩm thơ song thất lục bát có nội dung đề cập tới thân phận người phụ nữ. Thân phận người phụ nữ trong tác phẩm đó có điểm gì giống với thân phận người chinh phụ trong tác phẩm Chinh phụ ngâm?

**Gợi ý**

- Một số tác phẩm thơ song thất lục bát có nội dung đề cập tới hình tượng người phụ nữ: *Vợ chồng Ngâu* của Trần Tế Xương, , *Gửi người vợ miền Nam* của Nguyễn Bính,...

Ví dụ: bài thơ *Khuê phụ thu hoài* (Nỗi lòng của người khuê phụ trong mùa thu) của Phan Bội Châu:

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngô một lá thình lình khiếp gió, Giật mình nghe trận tố chiều hôm; Trăm dâu đổ cả đầu tằm Ngậm ngùi thân thế, ăn nằm sao yên? Tài bồ liễu đã hèn lại vụng, Bạn chị em may cũng theo đòi; Lần hồi năm tháng đưa thoi, Trẻ trung mới đó, chốc ngoài ba mươi. Nhịp hát múa tư bề gió sấm, Gái không chồng thôi dám bi ai? Cơ đồ đã bán cho trời, Liều thân muốn chuộc một vài về tay. Từng có lúc dắt bầy kéo bạn, Chê đường xa không vốn buông chày; Lạ lùng mấy thuở xưa nay, Đôi bàn tay trắng vạch mây đấm trời! Cũng có lúc qua vời vượt núi, Nặng hai vai một túi quan hà; Dãi đầu gió táp mưa sa, Biết nhau một mảnh trăng tà với em. Cũng có lúc ruột tằm khô ráo Khúc vò tơ dần héo quặn đau. Những là rày ước mai ao, Vóc thừa mây tía gấm thêu ráng hồng* | *May anh chị sẵn lòng tương ái, Mà con chồng vừa lại nên con; Hò nhau chung gánh bể non, Muôn cay nghìn đắng tấc son một niềm. Đau nông nỗi vì em khờ dại, Gặp trận buôn thế giới phi thường; Ngón buông, người đủ trăm đường, Mà mình hờ hững trễ tràng ra chi! Từng nhiều lúc vân vi than thở, Đã dở cười lại dở khóc thêm; Bóng ai thấp thoáng trước rèm? Hồn ai lai láng cạnh nằm đêm thu? Ngồi ngẫm nghĩ mấy câu chuyện cổ, Nghề bán buôn chợ búa phen này; Học khôn học khéo cho hay, Trải phen thất bại là ngày thành công. Quẹt nước mắt hỡi chồng chồng hỡi, Thiêng liêng thời thứ tội cho em; Gớm ghê máu chảy ruột mềm Thế anh chị với thân em lâu dài.* |

- Sự giống nhau của thân phận người phụ nữ giữa tác phẩm *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm) và bài thơ *Khuê phụ thu hoài* (Phan Bội Châu) là: Đều không được hưởng hạnh phúc trọn vẹn, đều khát khao hạnh phúc lứa đôi.

+ *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm): Nói lên nỗi cô đơn của người vợ có chồng đi chinh chiến nơi xa, mong ngày chồng bình an trở về.

+ *Khuê phụ thu hoài* (Phan Bội Châu): Nỗi lòng cay đắng, tủi cực của người vợ lẽ trong cảnh phòng không đêm thu.

**1.4. Bài tập 4 (SHS/ Tr 61):** HS tự thực hiện.

**2. Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *Nỗi sầu oán của người cung nữ* (Trích *Cung oán ngâm khúc,* Nguyễn Gia Thiều)**

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ thất ngôn bát cú ở nhà.

**b.** **Nội dung**: GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong SHS.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 01:**  **Khám phá chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích** | | |
| **Tác giả Nguyễn Gia Thiều** | | ................................................................. |
| **Tác phẩm *Cung oán ngâm khúc*** | | ................................................................. |
| **Đoạn trích** | a. Vị trí - Xuất xứ | ................................................................ |
| b. Đặc điểm thể thơ STLB | ................................................................ |
| c. Đề tài | ................................................................ |
| d. Nhân vật trữ tình |  |
| e. Bố cục | ................................................................ |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 02:**  **Khám phá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích**  ***Nỗi sầu oán của người cung nữ*** | |
| **Đặc sắc nội dung** | **1. Không gian, thời gian**  - Những chi tiết miêu tả:  ...........................................................................................................  - Nhận xét:  ........................................................................................................... |
| **2. Tâm trạng người cung nữ**  - Những chi tiết miêu tả:  ...........................................................................................................  - Nhận xét:  ........................................................................................................... |
| **3. Cảm hứng chủ đạo của đoạn trích**  .......................................................................................................... |
| **Đặc sắc nghệ thuật** | Cách sử dụng hình ảnh so sánh  .......................................................................................................  Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình  ........................................................................................................  Nhận xét về nghệ thuật sử dụng tử ngữ thể hiện tâm trạng nhân vật.  ........................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Hướng dẫn HS đọc, khám phá chung về tác giả, văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**   * Ngoài các thông tin trong chú thích (SHS/ Tr 61), HS tìm hiểu thêm các thông tin về tác giả Nguyễn Gia Thiều để hiểu rõ hơn về đoạn trích. * GV yêu cầu HS đọc kĩ văn bản khoảng 2 lần trước khi tìm hiểu. * HS hoàn thiện **Phiếu học tập số 01.**   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tự hoàn thiện **Phiếu học tập số 01**.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **I. Đọc – khám phá chung**  **1. Tác giả Nguyễn Gia Thiều**  - Nguyễn Gia Thiều (1741 – 1798), quê ở xứ Kinh Bắc, nay là tỉnh Bắc Ninh.  - Ông là một tài năng đa dạng, nổi tiếng là người thông minh học rộng, văn võ toàn tài.  - Ông sáng tác bằng cả chữ Hán và chữ Nôm  - Tác phẩm tiêu biểu: *Ôn Như thi tập* (bị thất truyền), *Cung oán ngâm khúc,...*  **2. Tác phẩm và đoạn trích**  **2.1. Tác phẩm *Cung oán ngâm khúc***  ***-*** Cả khúc ngâm dài 356 câu song thất lục bát.  ***-*** Tác phẩm  là bài ca ai oán của người cung nữ có tài sắc, được vua yêu chuộng, nhưng chẳng bao lâu bị ruồng bỏ. Ở trong cung, nàng xót thương cho thân phận của mình và oán trách nhà vua phụ bạc.  - Qua khúc ngâm, tác giả còn gửi gắm quan niệm của mình về cuộc đời bạc bẽo, phù du.  **2.2. Đoạn trích *Nỗi sầu oán của người cung nữ***  **a. Vị trí - xuất xứ:**  Từ câu 209 – 244 của khúc ngâm.  **b. Đặc điểm thể thơ STLB**  - Trong bài thơ có sự đan xen giữa các cặp câu 7 tiếng và cặp câu lục bát, trong đó cặp câu 7 chữ mở đầu, tiếp theo là cặp câu lục bát liền kề.  - Về vần: tiếng thứ bảy của câu 7 tiếng hiệp vần với tiếng thứ năm của câu 7 tiếng liền kề sau nó (Ví dụ: bóng - ngóng, vũ - ngủ,…); tiếng thứ sáu của câu lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát (Ví dụ: thu - cù, sầu - rầu,…).  - Về thanh điệu: tuân thủ quy tắc chặt chẽ  thanh điệu trong thơ song thất lục bát.  Ví dụ:  Trong cung quế âm thầm (B) chiếc bóng (T), Đêm năm canh (B) trông ngóng (T) lần lần (B) . Khoảnh làm (B) chi bấy (T) chúa xuân (B)  Chơi hoa (B) cho rữa (T) nhụy dần (B) lại thôi (B)  **-** Về cách ngắt nhịp: ngắt nhịp lẻ trước, nhịp chẵn sau (Ví dụ: Trong cung quế/ âm thầm/ chiếc bóng  **c. Đề tài:** Người phụ nữ.  **d. Nhân vật trữ tình:** Người cung nữ  **d. Bố cục**  - **Đoạn** 1 (Bốn khổ thơ đầu): Cuộc sống tồi tàn của cung nữ đối lập với cảnh xa hoa tráng lệ ở nơi cung cấm.  - **Đoạn 2** (Năm khổ thơ cuối): Cung nữ thất vọng nặng nề trong cảnh ngày ngóng đêm trông. |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Để tìm hiểu VB, GV yêu cầu HS hoàn thành tự hoàn thành **Phiếu học tập số 02.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **II. Khám phá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản**  **1. Đoạn 1 (bốn khổ thơ đầu): Cuộc sống “tồi tàn” của cung nữ đối lập với cảnh xa hoa tráng lệ ở nơi cung cấm.**  - Không gian nơi cung cấm, thời gian ban đêm phù hợp với việc đặc tả tâm trạng của cung nữ đang cô đơn, sầu tủi và oán hờn.  - Không gian cụ thể được nhắc tới ở đây là “lầu đãi nguyệt”, “gác thừa lương”, “phòng tiêu”,... nơi cung nữ đứng ngồi không yên, bồn chồn ra vào trông ngóng  - Mong ngày, mong đêm, hi vọng rồi lại thất vọng. Những chuỗi ngày nặng nề đó khiến cung nữ mỏi mòn, đau khổ.  **2. Đoạn 2 (năm khổ thơ cuối): Cung nữ thất vọng nặng nề trong cảnh ngày ngóng đêm trông.**  - Bị bỏ rơi, người cung nữ hết ngày lại đêm đứng tủi ngồi sầu, khắc khoải ngóng trông trong vô vọng.  - Trong tình cảnh ấy, người cung nữ ý thức rất rõ về thân phận mình và kẻ đã gây ra nỗi đau khổ cho đời mình: một con người đã bị giết chết không phải bằng gươm sắc mà bằng cách kéo dài cuộc sống đày ải trong cảnh chăn đơn gối chiếc, cửa mốc sân rêu.  **3. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong đoạn trích**  - Thể thơ song thất lục bát uyển chuyển, nhịp nhàng, mềm mại  - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình điêu luyện, đạt đến mức tài hoa: Qua việc miêu tả cảnh vật trong cung quế, nhà thơ gián tiếp miêu tả tâm trạng của người cung nữ.  - Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng tinh tế: phòng tiêu lạnh ngắt - đồng, thâm khuê vắng ngắt như tờ.  - Nghệ thuật dùng từ đặc sắc, giàu biểu cảm, giàu nhạc tính: từ ngữ trong bài thơ được dùng với nhiều tầng nghĩa, chất chứa cảm xúc. |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS tự rút ra ngắn gọn những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *“Nỗi sầu oán của người cung nữ”.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  -Thể thơ STLB  - Ngôn ngữ giàu nhạc tính, gợi cảm  - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc  **2. Nội dung**  - Giãi bày tâm trạng cô đơn, sầu tủi của người cung nữ khi bị bỏ rơi chốn cung cấm.  - Khẳng định, đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người, nhất là người phụ nữ. |

RÚT KINH NGHIỆM

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Ngày tháng 9 năm 2024**

**BGH ký**